



**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN  
ĐỨC LONG GIA LẠI**  
**Báo cáo tài chính hợp nhất**  
Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2013

## MỤC LỤC

## Trang

Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	1 - 4
Báo cáo kết quả công tác soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất	5
Các Báo cáo tài chính hợp nhất	
• Bảng cân đối kế toán hợp nhất	6 - 7
• Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất	8
• Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	9
• Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất	10 - 44

## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn Đức Long Gia Lai công bố báo cáo này cùng với các Báo cáo tài chính hợp nhất đã được soát xét cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2013.

### Thông tin khái quát

Công ty Cổ phần Tập đoàn Đức Long Gia Lai (tên giao dịch bằng tiếng Anh là Duc Long Gia Lai Group JSC, sau đây gọi tắt là "Công ty") được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (nay là Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp) số 5900415863 ngày 13 tháng 06 năm 2007 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Gia Lai. Từ khi thành lập đến nay Công ty đã 18 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 05/03/2013. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan.

Công ty được chấp thuận niêm yết cổ phiếu phổ thông tại Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy phép niêm yết số 114/QĐ-SGDHCM ngày 14/06/2010 của Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh với mã chứng khoán DLG. Ngày chính thức giao dịch của cổ phiếu là 22/06/2010.

*Vốn điều lệ : 670.851.080.000 đồng*

*Vốn góp thực tế đến ngày 30/06/2013: 670.851.080.000 đồng*

### Stt Tên các Công ty được hợp nhất/không hợp nhất

#### *I. Các công ty con được hợp nhất (gồm 16 công ty)*

1. Công ty Cổ phần Chế biến gỗ Đức Long Gia Lai
2. Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Dịch vụ Công trình Công cộng Đức Long Gia Lai
3. Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Điện năng Đức Long Gia Lai
4. Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Đức Long Gia Lai
5. Công ty Cổ phần Dịch vụ Công cộng Đức Long Bảo Lộc
6. Công ty Cổ phần Trồng rừng và Cây Công nghiệp Đức Long Gia Lai
7. Công ty Cổ phần Dịch vụ Bảo vệ Đức Long Gia Lai
8. Công ty Cổ phần Đầu tư và Kinh doanh Bất Động Sản Đức Long Gia Lai
9. Công ty Cổ phần Xây dựng Giao thông Minh Long Gia Lai
10. Công ty TNHH Đầu tư Xây dựng Cầu đường Phước Hoàng Long
11. Công ty Cổ phần BOT và BT Đức Long Đăk Nông
12. Công ty Cổ phần BOT và BT Đức Long Gia Lai
13. Công ty Cổ phần Xây dựng Giao thông Đức Long Gia Lai
14. Công ty Cổ phần Đức Long Đà Nẵng
15. Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Giáo dục Đức Long Gia Lai
16. Công ty TNHH Một thành viên Khai thác và Chế biến Khoáng sản Đức Long Gia Lai

#### *II. Các công ty con không hợp nhất (gồm 1 công ty)*

1. Công ty Cổ phần Xây dựng Giao Thông Mười Tùng

*(Công ty chưa đi vào hoạt động và đã giải thể vào ngày 19/06/2013)*

## **BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)**

### **III. Các công ty liên kết được hợp nhất (gồm 3 công ty)**

1. Công ty Cổ phần Tư vấn và Xây dựng Giao thông Gia Lai
2. Công ty TNHH Cung ứng Vật tư Nguyên liệu Tây Nguyên
3. Công ty Cổ phần Đức Long Tây Nguyên

#### **Trụ sở chính**

- Địa chỉ: Số 02 Đặng Trần Côn, Phường Trà Bá, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai.
- Điện thoại: (84) 059.3820.359
- Fax: (84) 059.3820.784
- Email: [duclonggialaigroup@gmail.com](mailto:duclonggialaigroup@gmail.com)
- Website: [www.duclonggialaigroup.com](http://www.duclonggialaigroup.com)

#### **Ngành nghề kinh doanh chính**

- Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế (Chi tiết: Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế bằng gỗ, bằng vật liệu khác);
- Trồng cây cao su; Trồng rừng và chăm sóc rừng; Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Vận tải bằng xe buýt; Dịch vụ ăn uống khác;
- Khai thác quặng sắt; Khai khoáng khác chưa được phân vào đâu;
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ (Chi tiết: Xây dựng công trình đường bộ; Đầu tư xây dựng công trình giao thông (theo hình thức BOT));
- Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác (Chi tiết: Cho thuê máy móc thiết bị; Cho thuê văn phòng); Khai thác quặng kim loại quý hiếm;
- Hoạt động của các cơ sở thể thao (Chi tiết: Phát hành vé xem thi đấu thể thao);
- Hoạt động của các câu lạc bộ thể thao;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác (Chi tiết: Bán buôn máy móc thiết bị chuyên dùng và phụ tùng ngành: Cầu đường, dân dụng và công nghiệp);
- Cơ sở lưu trú khác (Chi tiết: Khách sạn; Biệt thự hoặc căn hộ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày; Nhà khách, nhà nghỉ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày);
- Sản xuất, truyền tải và phân phối điện;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ; Hoạt động công ty nắm giữ tài sản;
- Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt; Khai thác khoáng hóa chất và khoáng phân bón;
- Hoạt động thể thao khác; Quảng cáo; Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác;
- Casting và hoàn thiện đá (Chi tiết: Sản xuất đá chế, cắt đá tạo hình theo yêu cầu xây dựng; Chế biến khoáng sản);
- Hoạt động tư vấn quản lý; Sản xuất sản phẩm khác từ cao su (Chi tiết: Gia công cao su mù cốm);
- Dịch vụ hỗ trợ giáo dục; Giáo dục tiểu học; Giáo dục trung học cơ sở và trung học phổ thông;
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu (Chi tiết: Mua bán cao su mù cốm; Mua bán phân bón);

## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

- Sản xuất sẫm, lốp cao su, đập và tái chế lốp cao su;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng (Chi tiết: Mua bán gỗ có nguồn gốc hợp pháp);
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ (Chi tiết: Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ);
- Buôn bán nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan (Chi tiết: Đại lý mua bán xăng dầu và các sản phẩm từ xăng dầu; Đại lý mua bán các chất bôi trơn làm sạch động cơ);
- Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu (Chi tiết: Hoạt động tư vấn đầu tư);
- Hoạt động quản lý quỹ (Chi tiết: Quản lý quỹ chung);
- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét (Không hoạt động tại trụ sở chính).

### Nhân sự

Các thành viên của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng trong kỳ kế toán và đến ngày lập Báo cáo tài chính này gồm có:

#### Hội đồng quản trị

- |                        |              |                              |
|------------------------|--------------|------------------------------|
| • Ông Bùi Pháp         | Chủ tịch     | Bỏ nhiệm lại ngày 14/04/2012 |
| • Ông Nguyễn Đình Trạc | Phó Chủ tịch | Bỏ nhiệm lại ngày 14/04/2012 |
| • Ông Đỗ Thanh         | Ủy viên      | Bỏ nhiệm lại ngày 14/04/2012 |
| • Ông Võ Châu Hoàng    | Ủy viên      | Bỏ nhiệm lại ngày 14/04/2012 |
|                        |              | Miễn nhiệm ngày 25/05/2013   |
| • Ông Hồ Minh Thành    | Ủy viên      | Bỏ nhiệm ngày 14/04/2012     |
|                        |              | Miễn nhiệm ngày 25/05/2013   |
| • Ông Phạm Anh Hùng    | Ủy viên      | Bỏ nhiệm ngày 25/05/2013     |
| • Nguyễn Trung Kiên    | Ủy viên      | Bỏ nhiệm ngày 25/05/2013     |

#### Ban Kiểm soát

- |                           |            |                              |
|---------------------------|------------|------------------------------|
| • Bà Nguyễn Thị Thu Hương | Trưởng ban | Bỏ nhiệm lại ngày 14/04/2012 |
|                           |            | Miễn nhiệm ngày 25/05/2013   |
| • Ông Lê Ngọc Minh        | Trưởng ban | Bỏ nhiệm ngày 25/05/2013     |
| • Ông Bùi Văn Đi          | Thành viên | Bỏ nhiệm lại ngày 14/04/2012 |
| • Ông Dương Hoài Thuận    | Thành viên | Bỏ nhiệm ngày 14/04/2012     |
|                           |            | Miễn nhiệm ngày 25/05/2013   |
| • Ông Nguyễn Văn Nguyên   | Thành viên | Bỏ nhiệm ngày 25/05/2013     |

## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

### Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

- |                         |                   |  |
|-------------------------|-------------------|--|
| • Ông Nguyễn Đình Trạc  | Tổng Giám đốc     | Bổ nhiệm ngày 16/01/2010                               |
| • Ông Đỗ Thanh          | Phó Tổng Giám đốc | Bổ nhiệm ngày 01/07/2007                               |
| • Ông Phan Xuân Viên    | Phó Tổng Giám đốc | Bổ nhiệm ngày 01/07/2007                               |
| • Ông Võ Châu Hoàng     | Phó Tổng Giám đốc | Bổ nhiệm ngày 14/02/2008<br>Miễn nhiệm ngày 25/06/2013 |
| • Ông Nguyễn Tiến Dũng  | Phó Tổng Giám đốc | Bổ nhiệm ngày 06/03/2009                               |
| • Ông Phạm Minh Việt    | Phó Tổng Giám đốc | Bổ nhiệm ngày 01/10/2010                               |
| • Ông Bùi Văn Toàn      | Phó Tổng Giám đốc | Bổ nhiệm ngày 01/10/2012<br>Miễn nhiệm ngày 25/06/2013 |
| • Ông Nguyễn Thanh Tùng | Kế toán trưởng    | Bổ nhiệm ngày 11/04/2011<br>Miễn nhiệm ngày 09/07/2013 |
| • Bà Vũ Thị Hải         | Kế toán trưởng    | Bổ nhiệm ngày 09/07/2013                               |

### Kiểm toán độc lập

Các Báo cáo tài chính hợp nhất này được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC (Trụ sở chính: Lô 78-80 Đường 30 tháng 4, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng; Điện thoại: (84) 0511.3655886; Fax: (84) 0511.3655887; Website: www.aac.com.vn; Email: aac@dng.vnn.vn).

### Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc trong việc lập các Báo cáo tài chính hợp nhất

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập các Báo cáo tài chính hợp nhất này trên cơ sở:

- Tuân thủ các Quy định của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý hiện hành khác có liên quan;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính kế toán một cách hợp lý và thận trọng;
- Lập các Báo cáo tài chính hợp nhất trên nguyên tắc hoạt động liên tục.

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc Công ty, bằng báo cáo này xác nhận rằng: Các Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất, Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và các Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm 30/06/2013 và kết quả hoạt động kinh doanh cũng như các luồng lưu chuyển tiền tệ trong kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2013, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc  
Tổng Giám đốc

Nguyễn Đình Trạc

Gia Lai, ngày 29 tháng 08 năm 2013



# CÔNG TY KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN AAC THÀNH VIÊN CỦA PRIMEGLOBAL

Trụ sở chính  
Lô 78-80 Đường 30 tháng 4, Q. Hải Châu, Tp. Đà Nẵng  
Tel: 84.511.3655886; Fax: 84.511.3655887  
Email: aac@dng.vnn.vn  
Website: <http://www.aac.com.vn>

Chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh  
47-49 Hoàng Sa (Tầng 4 Tòa nhà Hoàng Đan)  
Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh  
Tel: 84.8.39102235; Fax: 84.8.39102349  
Email: aac.hcm@aac.com.vn

Số: 865/BCKT-AAC

Đà Nẵng, ngày 29 tháng 08 năm 2013

## BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

**Kính gửi:** Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và các Cổ đông  
Công ty Cổ phần Tập đoàn Đức Long Gia Lai

Chúng tôi đã soát xét Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30/06/2013, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2013, được lập ngày 20/08/2013 của Công ty Cổ phần Tập đoàn Đức Long Gia Lai (sau đây gọi tắt là "Công ty") đính kèm từ trang 7 đến trang 43. Các Báo cáo tài chính hợp nhất này được lập theo Chế độ kế toán Việt Nam.

### Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty và của Kiểm toán viên

Việc lập các Báo cáo tài chính hợp nhất này là trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của Kiểm toán viên là đưa ra ý kiến nhận xét về các Báo cáo tài chính hợp nhất này dựa trên cơ sở kết quả công tác soát xét của chúng tôi.

### Phạm vi soát xét

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét các báo cáo tài chính hợp nhất theo Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam về công tác soát xét. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện soát xét để có sự đảm bảo vừa phải rằng liệu các báo cáo tài chính có chứa đựng những sai sót trọng yếu hay không. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với các nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích đối với những thông tin tài chính; công tác soát xét này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên không đưa ra ý kiến kiểm toán.

### Ý kiến nhận xét của Kiểm toán viên

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi đưa ra ý kiến rằng các Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30/06/2013, kết quả hoạt động kinh doanh cũng như các luồng lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2013, phù hợp với Chuẩn mực, Chế độ kế toán Việt Nam



Nguyễn Trọng Hiếu  
Phó Tổng Giám đốc

Chứng chỉ hành nghề số 0391-2013-010-1

Nguyễn Trung Dũng  
Kiểm toán viên

Chứng chỉ hành nghề số 1380-2013-010-1

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Ngày 30 tháng 06 năm 2013

Mẫu số B 01-DN/HN  
Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ - BTC  
ngày 20/3/2006 và các quy định về sửa đổi, bổ sung có  
liên quan của Bộ Tài chính

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2013 VND	31/12/2012 VND
<b>A TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>1.369.311.366.546</b>	<b>1.180.234.214.332</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>5</b>	<b>88.666.974.916</b>	<b>6.289.049.752</b>
1. Tiền	111		88.666.974.916	6.289.049.752
2. Các khoản tương đương tiền	112			
<b>II Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>291.034.539.554</b>	<b>139.331.261.554</b>
1. Đầu tư ngắn hạn	121	<b>6</b>	291.034.539.554	139.331.261.554
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129			
<b>III. Các khoản phải thu</b>	<b>130</b>		<b>649.131.145.690</b>	<b>624.775.801.808</b>
1. Phải thu của khách hàng	131		465.333.032.672	422.697.647.877
2. Trả trước cho người bán	132		122.517.516.920	108.655.086.425
3. Các khoản phải thu khác	135	<b>7</b>	66.328.300.848	98.197.879.167
4. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139		(5.047.704.750)	(4.774.811.661)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>303.769.242.410</b>	<b>380.861.863.983</b>
1. Hàng tồn kho	141	<b>8</b>	303.769.242.410	380.861.863.983
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149			
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>36.709.463.976</b>	<b>28.976.237.235</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	<b>9</b>	789.319.010	734.970.235
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		4.658.663.718	2.564.849.849
3. Các khoản thuế phải thu Nhà nước khác	154	<b>10</b>	155.758.680	155.758.680
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	<b>11</b>	31.105.722.568	25.520.658.471
<b>B TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>1.021.311.901.881</b>	<b>1.016.557.939.566</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>			
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>664.736.654.144</b>	<b>631.933.796.436</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	<b>12</b>	161.361.172.557	168.365.108.255
- Nguyên giá	222		213.828.834.316	215.026.118.537
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(52.467.661.759)	(46.661.010.282)
2. Tài sản cố định vô hình	227	<b>13</b>	43.599.303.059	43.619.538.136
- Nguyên giá	228		43.935.992.062	43.935.992.062
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(336.689.003)	(316.453.926)
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	<b>14</b>	459.776.178.528	419.949.150.045
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>240</b>	<b>15</b>	<b>66.720.417.973</b>	<b>66.720.417.973</b>
- Nguyên giá	241		66.720.417.973	66.720.417.973
- Giá trị hao mòn lũy kế	242			
<b>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>16</b>	<b>281.813.840.264</b>	<b>309.000.989.894</b>
1. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		26.438.416.295	26.987.349.519
2. Đầu tư dài hạn khác	258		256.363.005.872	283.001.222.278
3. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư dài hạn	259		(987.581.903)	(987.581.903)
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>8.040.989.500</b>	<b>8.902.735.263</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	<b>17</b>	5.502.668.988	6.407.722.027
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		2.473.320.512	2.430.013.236
3. Tài sản dài hạn khác	268	<b>18</b>	65.000.000	65.000.000
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>2.390.623.268.427</b>	<b>2.196.792.153.898</b>



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)**

Ngày 30 tháng 06 năm 2013

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2013 VND	31/12/2012 VND
<b>A NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>1.508.930.344.705</b>	<b>1.312.855.057.515</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>752.045.118.857</b>	<b>805.672.314.495</b>
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	19	358.904.279.032	560.173.014.776
2. Phải trả cho người bán	312		191.514.771.318	119.707.460.553
3. Người mua trả tiền trước	313		29.399.110.561	5.239.195.084
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	20	40.891.604.894	28.107.667.012
5. Phải trả người lao động	315		5.844.440.880	6.382.817.640
6. Chi phí phải trả	316	21	6.730.645.986	7.105.651.464
7. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	22	118.048.124.548	80.432.593.310
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		712.141.638	(1.476.085.344)
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>756.885.225.848</b>	<b>507.182.743.020</b>
1. Phải trả dài hạn khác	333		327.000.000	513.199.482
2. Vay và nợ dài hạn	334	23	751.277.532.787	493.810.684.574
3. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		4.996.735.492	4.641.739.994
4. Doanh thu chưa thực hiện	338	24	283.957.569	8.217.118.970
<b>B VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>780.428.169.897</b>	<b>782.790.636.503</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>		<b>780.428.169.897</b>	<b>782.790.636.503</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	25	670.851.080.000	670.851.080.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	25	49.938.762.000	49.938.762.000
3. Quỹ đầu tư phát triển	417	25	14.347.409.324	14.347.409.324
4. Quỹ dự phòng tài chính	418	25	4.361.918.275	4.361.918.275
5. Lợi nhuận chưa phân phối	420	25	40.929.000.298	43.291.466.904
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>420</b>			
<b>C LỢI ÍCH CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ</b>	<b>439</b>		<b>101.264.753.825</b>	<b>101.146.459.880</b>
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>430</b>		<b>2.390.623.268.427</b>	<b>2.196.792.153.898</b>

**CÁC CHI TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

TT	CHỈ TIÊU	30/06/2013	31/12/2012
	Ngoại tệ các loại	USD 2.525,14	2.626,85



Nguyễn Đình Trạc  
Gia Lai, ngày 20 tháng 08 năm 2013

Kế toán trưởng

Vũ Thị Hải

Người lập biểu

Nguyễn Thị Phương Thủy

**BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH HỢP NHẤT**  
Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2013

Mẫu số B 02-DN/HN  
Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ - BTC  
ngày 20/3/2006 và các quy định về sửa đổi,  
bổ sung có liên quan của Bộ Tài chính

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	6 tháng đầu năm 2013	6 tháng đầu năm 2012
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và c.cấp dịch vụ	01	27	313.988.468.097	385.077.893.073
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	27	-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và CC dịch vụ	10	27	313.988.468.097	385.077.893.073
4. Giá vốn hàng bán	11	28	264.276.641.339	335.989.298.703
5. Lợi nhuận gộp bán hàng và c.cấp dịch vụ	20		<u>49.711.826.758</u>	<u>49.088.594.370</u>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	29	32.030.352.645	28.958.615.660
7. Chi phí tài chính	22	30	62.593.670.965	54.546.331.302
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		62.592.866.658	54.525.664.474
8. Chi phí bán hàng	24		1.640.141.754	2.171.832.321
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		10.946.310.562	14.651.520.886
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		<u>6.562.056.122</u>	<u>6.677.525.521</u>
			-	-
11. Thu nhập khác	31	31	2.578.776.346	560.126.478
12. Chi phí khác	32	32	528.189.855	305.453.534
13. Lợi nhuận khác	40		<u>2.050.586.491</u>	<u>254.672.944</u>
14. Lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết, liên doanh	45		(548.933.224)	(511.080.761)
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	33	<u>8.063.709.389</u>	<u>6.421.117.704</u>
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	33	7.439.805.056	3.025.445.543
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	33	311.688.222	995.323.274
18. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60	33	<u>312.216.111</u>	<u>2.400.348.887</u>
18.1. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	61	33	88.293.945	(683.749.369)
18.2. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ	62	33	223.922.166	3.084.098.256
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	34	3,34	68,55



Tổng Giám đốc

Nguyễn Đình Trạc

Gia Lai, ngày 20 tháng 08 năm 2013

Kế toán trưởng

Vũ Thị Hải

Người lập biểu

Nguyễn Thị Phương Thủy

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**  
Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2013

Mẫu số B 03-DN/HN  
Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ - BTC  
ngày 20/3/2006 và các quy định về sửa đổi,  
bổ sung có liên quan của Bộ Tài chính

CHỈ TIÊU	Mã số	6 tháng đầu năm 2013 VND	6 tháng đầu năm 2012 VND
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
1. Tiền thu từ bán hàng, CC DV và doanh thu khác	01	363.220.858.099	613.021.005.098
2. Tiền chi trả cho người cung cấp HH và DV	02	(225.731.577.432)	(537.960.906.926)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(17.275.635.903)	(18.334.177.860)
4. Tiền chi trả lãi vay	04	(29.954.906.048)	(47.311.119.226)
5. Tiền chi nộp thuế Thu nhập doanh nghiệp	05	(1.115.283.110)	(2.167.528.653)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	75.281.530.573	411.354.609.556
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(21.690.439.538)	(664.330.350.029)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>142.734.546.641</b>	<b>(245.728.468.040)</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
1. Tiền chi để mua sắm XD TSCĐ và các TS DH khác	21	(43.115.348.461)	(91.227.548.640)
2. Tiền thu từ TLý, nhượng bán TSCĐ và các TS DH khác	22	-	402.022.602
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(156.524.128.696)	(258.497.733.127)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các CC nợ của đơn vị khác	24	35.459.067.102	4.646.908.274
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(4.000.000.000)	-
6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	51.601.255.619	27.852.326.755
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(116.579.154.436)</b>	<b>(316.824.024.136)</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
1. Tiền thu từ PH cổ phiếu, nhận vốn góp của CSH	31	30.000.000	179.977.550.000
2. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	112.759.145.651	536.633.240.066
3. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(56.566.984.716)	(154.801.866.975)
4. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35	-	(198.000.000)
5. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	(942.305.236)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>56.222.160.935</b>	<b>560.668.617.855</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	<b>50</b>	<b>82.377.553.140</b>	<b>(1.883.874.321)</b>
Tiền và tương đương tiền tồn đầu kỳ	60	6.289.049.752	8.670.784.056
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái qui đổi ngoại tệ	61	372.024	375.000
<b>Tiền và tương đương tiền tồn cuối kỳ</b>	<b>70</b>	<b>88.666.974.916</b>	<b>6.787.284.735</b>



Nguyễn Đình Trạc

Gia Lai, ngày 20 tháng 08 năm 2013

Kế toán trưởng

Vũ Thị Hải

Người lập biểu

Nguyễn Thị Phương Thủy

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

### 1. Đặc điểm hoạt động

Công ty Cổ phần Tập đoàn Đức Long Gia Lai (tên giao dịch bằng tiếng Anh là Duc Long Gia Lai Group JSC, sau đây gọi tắt là "Công ty") được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (nay là Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp) số 5900415863 ngày 13 tháng 06 năm 2007 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Gia Lai. Từ khi thành lập đến nay Công ty đã 18 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 05/03/2013. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan.

#### *Ngành nghề kinh doanh chính*

- Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế (Chi tiết: Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế bằng gỗ, bằng vật liệu khác);
- Trồng cây cao su; Trồng rừng và chăm sóc rừng; Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Vận tải bằng xe buýt; Dịch vụ ăn uống khác;
- Khai thác quặng sắt; Khai khoáng khác chưa được phân vào đâu;
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ (Chi tiết: Xây dựng công trình đường bộ); Đầu tư xây dựng công trình giao thông (theo hình thức BOT);
- Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác (Chi tiết: Cho thuê máy móc thiết bị); Cho thuê văn phòng;
- Khai thác quặng kim loại quý hiếm;
- Hoạt động của các cơ sở thể thao (Chi tiết: Phát hành vé xem thi đấu thể thao);
- Hoạt động của các câu lạc bộ thể thao;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác (Chi tiết: Bán buôn máy móc thiết bị chuyên dùng và phụ tùng ngành: Cầu đường, dân dụng và công nghiệp);
- Cơ sở lưu trú khác (Chi tiết: Khách sạn); Biệt thự hoặc căn hộ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày; Nhà khách, nhà nghỉ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày;
- Sản xuất, truyền tải và phân phối điện;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ; Hoạt động công ty nắm giữ tài sản;
- Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt; Khai thác khoáng hóa chất và khoáng phân bón;
- Hoạt động thể thao khác; Quảng cáo; Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác;
- Cắt tạo dáng và hoàn thiện đá (Chi tiết: Sản xuất đá chẻ, cắt đá tạo hình theo yêu cầu xây dựng); Chế biến khoáng sản;
- Hoạt động tư vấn quản lý; Sản xuất sản phẩm khác từ cao su (Chi tiết: Gia công cao su mù cốm);
- Dịch vụ hỗ trợ giáo dục; Giáo dục tiểu học; Giáo dục trung học cơ sở và trung học phổ thông;
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu (Chi tiết: Mua bán cao su mù cốm); Mua bán phân bón;
- Sản xuất xăm, lớp cao su, đắp và tái chế lớp cao su;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng (Chi tiết: Mua bán gỗ có nguồn gốc hợp pháp);
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ (Chi tiết: Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ);
  - Buôn bán nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan (Chi tiết: Đại lý mua bán xăng dầu và các sản phẩm từ xăng dầu); Đại lý mua bán các chất bôi trơn làm sạch động cơ;
  - Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu (Chi tiết: Hoạt động tư vấn đầu tư);
  - Hoạt động quản lý quỹ (Chi tiết: Quản lý quỹ chung);
  - Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét (Không hoạt động tại trụ sở chính).

### **Các Công ty con được hợp nhất (gồm 16 công ty)**

#### **1. Công ty Cổ phần Chế biến gỗ Đức Long Gia Lai**

- Địa chỉ trụ sở chính: Lô C4, đường số 4, KCN Trà Đa, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai.
- Hoạt động kinh doanh chính của Công ty: Cưa xẻ bào gỗ và bảo quản gỗ; Mua bán gỗ các loại; Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế bằng gỗ; Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; Xây dựng nhà các loại; Xây dựng công trình kỹ thuật khác; Tư vấn thiết kế về trang trí nội thất; Mua bán máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện); Mua bán máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng; Mua bán máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác chưa được phân vào đâu.
- Vốn điều lệ: 35.000.000.000 đồng. Trong đó Công ty mẹ sở hữu: 91,71%.
- Tình trạng hoạt động: Đang hoạt động.

#### **2. Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Dịch vụ Công trình Công cộng Đức Long Gia Lai**

- Địa chỉ trụ sở chính: 43 Lý Nam Đế, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai.
- Hoạt động kinh doanh chính của Công ty: Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải bằng đường bộ; Vận tải khách bằng xe buýt; Vận tải khách theo tuyến cố định; Vận tải hàng; Đầu tư xây dựng các bến bãi tại các tỉnh, thành phố trong cả nước; Dịch vụ ăn uống khác; Đại lý mua bán các chất bôi trơn, làm sạch động cơ; Dịch vụ lưu trú ngắn ngày; Bán buôn tổng hợp; Hoạt động vui chơi, giải trí khác chưa được phân vào đâu; Dịch vụ bến xe, bãi đỗ xe; Cho thuê văn phòng; Đại lý mua bán xăng dầu và các sản phẩm của chúng; Vận tải hành khách theo hợp đồng; Sửa chữa máy móc, thiết bị; Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải; Kho bãi và lưu giữ hàng hóa trong kho khác.
- Vốn điều lệ: 24.839.360.000 đồng. Trong đó Công ty mẹ sở hữu: 54,67%.
- Tình trạng hoạt động: Đang hoạt động.

#### **3. Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Điện năng Đức Long Gia Lai**

- Địa chỉ trụ sở chính: 43 Lý Nam Đế, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai.
- Hoạt động kinh doanh chính của Công ty: Đầu tư xây dựng, vận hành các công trình thủy điện lớn; Đầu tư xây dựng, vận hành các công trình thủy điện vừa và nhỏ; Xây dựng các công trình thủy lợi, đập, hệ thống tưới tiêu; Xây dựng công trình thủy công thuộc công trình thủy điện lớn; Xây dựng công trình đường bộ; Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác; Xây dựng vỏ bao che công trình công nghiệp; Đầu tư cung cấp nước sạch, Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét; Chế biến vật liệu xây dựng; Vận tải hàng hóa bằng đường bộ; Khoan phụt, xử lý và gia cố nền móng

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

công trình xây dựng; Xây dựng nhà các loại; Đầu tư, xây dựng, quản lý khu du lịch sinh thái; Nuôi trồng thủy sản; Chế tạo, lắp đặt thiết bị cơ khí thủy nông; Chế tạo, lắp đặt thiết bị thủy điện.

- Vốn điều lệ: 49.500.000.000 đồng. Trong đó Công ty mẹ sở hữu: 94,76%.
- Tình trạng hoạt động: Đang hoạt động.

### **4. Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Đức Long Gia Lai**

- Địa chỉ trụ sở chính: Số 43 Lý Nam Đế, phường Trà Bá, Thành phố Pleiku.
- Hoạt động kinh doanh chính của Công ty: Xây dựng các công trình thủy lợi, thủy điện, công trình cấp nước sạch, xử lý nước thải, môi trường, công trình giao thông, công trình hạ tầng cơ sở, đường dây và trạm biến áp đến 35KV; Lắp đặt công trình thủy lợi, thủy điện, công trình cấp nước sạch, xử lý nước thải, môi trường, công trình giao thông, công trình hạ tầng cơ sở, đường dây và trạm biến áp đến 35KV; Sản xuất, chế tạo vật tư, cơ khí, thiết bị điện, điện tử, thiết bị thông tin liên lạc, tự động hóa chuyên ngành cho các công trình thủy điện, thủy lợi, cấp nước sạch, xử lý nước thải, môi trường; Mua bán vật tư cơ khí, thiết bị điện, điện tử, thiết bị thông tin liên lạc, tự động hóa chuyên ngành cho các công trình thủy điện, thủy lợi, cấp nước sạch, xử lý nước thải, môi trường; Quảng cáo; Sản xuất và mua bán vật liệu xây dựng, trang thiết bị nội thất; Dịch vụ lắp đặt, bảo trì, bảo dưỡng, sửa chữa các mặt hàng công ty kinh doanh; Đầu tư, quản lý dự án công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy điện, thủy lợi; Xây dựng nhà các loại; Xây dựng công trình đường bộ; Xây dựng công trình công ích; Xây dựng công trình kỹ thuật khác; Xây dựng công trình thủy điện, thủy lợi; Phá dỡ công trình; Chuẩn bị mặt bằng xây dựng; Lắp đặt hệ thống điện; Lắp đặt hệ thống cấp thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí; Hoàn thiện công trình xây dựng; Cho thuê máy móc, thiết bị xây dựng; Cung cấp, lắp đặt thiết bị cơ điện, cơ khí thủy công, các công trình công nghiệp, dân dụng và nhà máy thủy điện.
- Vốn điều lệ: 2.000.000.000 đồng. Trong đó Công ty mẹ sở hữu: 51,00%.
- Tình trạng hoạt động: Đang hoạt động.

### **5. Công ty Cổ phần Dịch vụ Công cộng Đức Long Bảo Lộc**

- Địa chỉ trụ sở chính: Phường Lộc Sơn, Thành phố Bảo Lộc, Tỉnh Lâm Đồng.
- Hoạt động kinh doanh chính của Công ty: Hoạt động hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ; Vận tải khách bằng xe buýt, vận tải khách theo tuyến cố định; Vận tải hàng hóa bằng đường bộ; Đầu tư xây dựng bến bãi; Dịch vụ ăn uống; Đại lý mua bán xăng, dầu và các sản phẩm liên quan; Đại lý mua bán chất bôi trơn và làm sạch động cơ; Dịch vụ lưu trú; Bán buôn tổng hợp; Dịch vụ bến xe, bãi đỗ xe.
- Vốn điều lệ: 12.000.000.000 đồng. Trong đó Công ty mẹ sở hữu: 55,56%.
- Tình trạng hoạt động: Đang hoạt động.

### **6. Công ty Cổ phần Trồng rừng và cây Công nghiệp Đức Long Gia Lai**

- Địa chỉ trụ sở chính: Số 43 Lý Nam Đế, Phường Trà Bá, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai.
- Hoạt động kinh doanh chính của Công ty: Trồng cây cao su; Trồng cây lâu năm khác; Hoạt động dịch vụ sau thu hoạch; Hoạt động dịch vụ lâm nghiệp; Khai thác gỗ rừng trồng; Trồng rừng và chăm sóc rừng; Xử lý hạt giống để nhân giống.
- Vốn điều lệ: 30.000.000.000 đồng. Trong đó Công ty mẹ sở hữu: 95,00%.
- Tình trạng hoạt động: Đang hoạt động.

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

### **7. Công ty Công ty Cổ phần Dịch vụ Bảo vệ Đức Long Gia Lai**

- Địa chỉ trụ sở chính: 5/21 Nguyễn Cửu Đàm, P. Tân Sơn Nhì, Q. Tân Phú, Tp HCM.
- Hoạt động kinh doanh chính của Công ty: Kinh doanh dịch vụ bảo vệ.
- Vốn điều lệ: 3.400.000.000 đồng. Trong đó Công ty mẹ sở hữu: 48,00%.
- Tình trạng hoạt động: Đang hoạt động.

### **8. Công ty Cổ phần Đầu tư và Kinh doanh Bất Động Sản Đức Long Gia Lai**

- Địa chỉ trụ sở chính: 308 – 310, Cao Thắng, Phường 12, Quận 10, Thành phố HCM.
- Hoạt động kinh doanh chính của Công ty: Kinh doanh bất động sản; Xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp; Sản xuất, mua bán hàng trang trí nội thất (không sản xuất tại trụ sở); Mua bán hàng kim khí điện máy, hàng thủ công mỹ nghệ, gốm, sứ, văn phòng phẩm, thiết bị văn phòng; Khai thác khoáng sản (không khai thác tại trụ sở); Kinh doanh vận chuyển hàng bằng ô tô; Lập báo cáo đầu tư, dự án đầu tư. Tư vấn đầu tư (trừ tư vấn tài chính kế toán). Lập tổng dự toán và dự toán. Tư vấn đấu thầu. Quản lý dự án. Cho thuê máy móc – thiết bị công trình xây dựng; Kinh doanh cơ sở lưu trú du lịch: khách sạn, nhà hàng (không kinh doanh khách sạn, nhà hàng tại trụ sở); Kinh doanh dịch vụ quảng cáo. Dịch vụ giữ xe. Dịch vụ cầm đồ. Kinh doanh lĩnh vực nội địa và quốc tế. Đào tạo nghề.
- Vốn điều lệ: 100.000.000.000 đồng. Trong đó Công ty mẹ sở hữu: 55,00%.
- Tình trạng hoạt động: Đang hoạt động.

### **9. Công ty Cổ phần Xây dựng Giao thông Minh Long Gia Lai**

- Địa chỉ trụ sở chính: Thôn Hòa Bình, Thị trấn Nhơn Hòa, Huyện Chư Pưh, Tỉnh Gia Lai
- Hoạt động kinh doanh chính của Công ty: Trồng rừng và chăm sóc rừng; Khai thác quặng sắt, quặng kim loại không chứa sắt; Khai thác quặng kim loại quý hiếm (không khai thác tại tỉnh Gia Lai); Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét; Khai khoáng chưa được phân vào đâu; Sản xuất các sản phẩm từ khoáng phi kim loại chưa được phân vào đâu; Sản xuất sắt, thép, gang; Đúc kim loại; Sản xuất các sản phẩm khác bằng kim loại: các dịch vụ xử lý, gia công kim loại; Xây dựng nhà các loại; Xây dựng công trình đường bộ, công trình công ích, công trình công nghiệp và công trình dân dụng kỹ thuật dân dụng khác; Phá dỡ và chuẩn bị mặt bằng; Lắp đặt hệ thống điện, hệ thống cấp thoát nước và lắp đặt xây dựng khác; Hoàn thiện công trình xây dựng; Bán buôn máy móc, thiết bị phụ tùng khác; Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng; Vận tải hàng hóa bằng đường bộ; Kho bãi và lưu giữ hàng hóa trong kho khác; Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ; Bốc xếp hàng hóa; Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác.
- Vốn điều lệ: 30.000.000.000 đồng. Trong đó Công ty mẹ sở hữu: 51,00%.
- Tình trạng hoạt động: Đang hoạt động.

### **10. Công ty TNHH Đầu tư Xây dựng Cầu đường Phước Hoàng Long**

- Địa chỉ trụ sở chính: Khối phố 3, Thị trấn Phú Hòa, Huyện Chư Păh, Tỉnh Gia Lai.
- Hoạt động kinh doanh chính của Công ty: Xây dựng công trình đường bộ; Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác; Lắp đặt hệ thống điện; Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác; Xây dựng nhà các loại; Cắt tạo dáng và hoàn thiện đá: Sản xuất đá chẻ, cắt đá tạo hình theo yêu cầu xây dựng; Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác; Xây dựng công trình công ích; Phá dỡ công trình; Lắp đặt hệ thống cấp thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí; Bán buôn

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

máy móc, thiết bị chuyên dùng và phụ tùng ngành cầu đường, dân dụng và công nghiệp; Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác; Chuẩn bị mặt bằng; Hoàn thiện công trình xây dựng; Khai thác đá Granit, đá Bazan.

- Vốn điều lệ: 30.000.000.000 đồng. Trong đó Công ty mẹ sở hữu: 80,00%.
- Tình trạng hoạt động: Đang hoạt động.

### **11. Công ty Cổ phần BOT và BT Đức Long Đắk Nông**

- Địa chỉ trụ sở chính: Tổ 9, phường Nghĩa Thành, Thị xã Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông.
- Hoạt động kinh doanh chính của Công ty: Khai thác quặng sắt; Khai thác quặng kim loại không chứa sắt; Khai thác quặng kim loại quý hiếm; Khai thác: Đá, cát, sỏi, đất sét; Khai khoáng chưa được phân vào đâu; Sản xuất sản phẩm từ khoáng phi kim loại chưa được phân vào đâu; Sản xuất: sắt, thép, gang; Đúc kim loại; Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại, các dịch vụ xử lý, gia công kim loại; Đầu tư xây dựng công trình giao thông (theo hình thức BOT và BT); Xây dựng nhà các loại; Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ; Xây dựng công trình công ích; Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác; Phá dỡ và chuẩn bị mặt bằng; Lắp đặt hệ thống điện, hệ thống cấp thoát nước và lắp đặt xây dựng khác; Hoàn thiện công trình xây dựng; Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác; Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy; Bán buôn chuyên doanh khác; Vận tải hàng hóa bằng đường bộ; Kho bãi và lưu giữ hàng hóa trong kho khác; Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ; Bốc xếp hàng hóa; Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác.
- Vốn điều lệ: 210.000.000.000 đồng. Trong đó Công ty mẹ sở hữu: 65,00%.
- Tình trạng hoạt động: Đang hoạt động.

### **12. Công ty Cổ phần BOT và BT Đức Long Gia Lai**

- Địa chỉ trụ sở chính: 782 Hùng Vương, Thị Trấn Chư Sê, Huyện Chư Sê, Tỉnh Gia Lai.
- Hoạt động kinh doanh chính của Công ty: Đầu tư xây dựng công trình giao thông, khai thác quặng sắt; Khai thác quặng kim loại không chứa sắt; Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét và cao lanh; Khai khoáng chưa được phân vào đâu; Sản xuất sản phẩm từ khoáng phi kim loại chưa được phân vào đâu; Sản xuất sắt, thép, gang, đúc kim loại; Sản xuất sản phẩm bằng kim loại, các dịch vụ xử lý, gia công kim loại; Xây dựng nhà các loại, xây dựng công trình đường bộ; Xây dựng công trình công ích, xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác; Phá dỡ và chuẩn bị mặt bằng; Lắp đặt hệ thống điện, hệ thống cấp thoát nước và lắp đặt xây dựng khác; Hoàn thiện công trình xây dựng, hoạt động xây dựng chuyên dụng khác; Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy, bán buôn chuyên dụng khác; Vận tải hàng hóa bằng đường bộ, kho bãi và lưu giữ hàng hóa trong kho khác; Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ, bốc xếp hàng hóa; Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác.
- Vốn điều lệ: 210.000.000.000 đồng. Trong đó Công ty mẹ sở hữu: 70,00%.
- Tình trạng hoạt động: Đang hoạt động.

### **13. Công ty Cổ phần Xây dựng Giao thông Đức Long Gia Lai**

- Địa chỉ trụ sở chính: Số 30 Hùng Vương, Thị trấn Chư Sê, Tỉnh Gia Lai.
- Hoạt động kinh doanh chính của Công ty: Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét và cao lanh; Sản xuất sản phẩm từ khoáng phi kim loại chưa được phân vào đâu; Sản xuất sắt, thép, gang; Gia công cơ khí, xử lý tráng phủ kim loại; Xây dựng nhà các loại; Xây dựng công trình đường bộ; Xây dựng công trình công ích; Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác; Phá dỡ; Chuẩn bị mặt bằng;



## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

Lắp đặt hệ thống điện, hệ thống cấp thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí; Hoàn thiện công trình xây dựng; Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác; Mua bán máy móc thiết bị, phụ tùng máy khác; Mua bán vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng; Vận tải hàng hóa bằng đường bộ; Kho bãi và lưu giữ hàng hóa; Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ; Bốc xếp hàng hóa; Đầu tư xây dựng công trình giao thông ( theo hình thức BOT & BT).

- Vốn điều lệ: 50.000.000.000 đồng. Trong đó Công ty mẹ sở hữu: 51,00%.
- Tình trạng hoạt động: Đang hoạt động.

### **14. Công ty Cổ phần Đức Long Đà Nẵng**

- Địa chỉ trụ sở chính: 47 Bế Văn Đàn, Quận Thanh Khê, Thành phố Đà Nẵng.
- Hoạt động kinh doanh chính của Công ty: Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ; Kinh doanh vận tải khách theo tuyến cố định. Kinh doanh vận tải hàng, đầu tư xây dựng bến xe, bãi đỗ xe; Dịch vụ ăn uống. Kinh doanh khách sạn, du lịch nhà nghỉ; Dịch vụ vui chơi, giải trí (không bao gồm kinh doanh quán bar, karaoke); Dịch vụ bến xe, bãi đỗ xe; Xây dựng công trình dân dụng, giao thông, công trình công ích, công trình kỹ thuật. phá dỡ và chuẩn bị mặt bằng công trình xây dựng; Lắp đặt hệ thống điện, cấp thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí; Hoàn thiện công trình xây dựng. mua bán sắt thép; Cho thuê máy móc thiết bị xây dựng. kinh doanh xăng tại Quốc lộ 1a, xã Hòa Phước huyện Hòa Vang, TP Đà Nẵng.
- Vốn điều lệ: 25.000.000.000 đồng. Trong đó Công ty mẹ sở hữu: 85,00%.
- Tình trạng hoạt động: Đến thời điểm 30/06/2013 chưa đi vào hoạt động kinh doanh.

### **15. Công ty Cổ phần Giáo dục Thể thao và Du lịch Đức Long Gia Lai**

- Địa chỉ trụ sở chính: Số 43 Lý Nam Đế, Phường Trà Bá, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai.
- Hoạt động kinh doanh chính của Công ty: Giáo dục trung học cơ sở và trung học phổ thông; Giáo dục tiểu học; Giáo dục thể thao và giải trí; Dịch vụ hỗ trợ giáo dục; Hoạt động của các cơ sở thể thao; Hoạt động của các câu lạc bộ thể thao; Đại lý du lịch; Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép; Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình; Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm; Hoạt động thể thao khác.
- Vốn điều lệ: 65.000.000.000 đồng. Trong đó Công ty mẹ sở hữu: 55,00%
- Tình trạng hoạt động: Đến thời điểm 30/06/2013 chưa đi vào hoạt động kinh doanh.

### **16. Công ty TNHH Một thành viên Khai thác và Chế biến Khoáng sản Đức Long Gia Lai**

- Địa chỉ trụ sở chính: Lô E6 Khu Công nghiệp Trà Đa, Xã Trà Đa, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam.
- Hoạt động chính của Công ty: Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét; Cắt tạo dáng và hoàn thiện đá (Chi tiết: Sản xuất đá chẻ, cắt đá tạo hình theo yêu cầu xây dựng, chế biến khoáng sản); Bán buôn kim loại và quặng kim loại; Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác mỏ và quặng khác; Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng; Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt; Khai thác quặng sắt.
- Vốn điều lệ: 30.000.000.000 đồng. Trong đó Công ty mẹ sở hữu: 100,00%
- Tình trạng hoạt động: Đến thời điểm 30/06/2013 chưa đi vào hoạt động kinh doanh.

### **Công ty Con loại khỏi quá trình hợp nhất (gồm 1 công ty)**

*Công ty Cổ phần Xây dựng Giao Thông Mười Tùng (Đã giải thể vào ngày 19/06/2013).*

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

### Các Công ty liên kết (gồm 3 công ty)

#### **1. Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Giao thông Gia Lai**

- Địa chỉ trụ sở chính: Số 53 Quang Trung, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai.
- Tư vấn đầu tư và xây dựng các công trình giao thông, hạ tầng đô thị; Khảo sát địa hình, địa chất, thủy văn; Lập dự án khả thi, tiền khả thi, báo cáo đầu tư; Thiết kế kỹ thuật, bản vẽ thi công, tổng dự toán, dự toán; Lập hồ sơ mời thầu, đánh giá hồ sơ dự thầu; Thẩm định hồ sơ dự án, thiết kế, dự toán do đơn vị khác lập; Giám sát kỹ thuật thi công, quản lý dự án; Thí nghiệm vật liệu xây dựng và kiểm tra chất lượng xây dựng công trình; Thi công xây lắp các công trình; Thiết kế các công trình thủy lợi, thủy điện nhỏ; Tư vấn đầu tư xây dựng các công trình thủy lợi, thủy điện nhỏ; Tư vấn đầu tư xây dựng các công trình xây dựng dân dụng, xây dựng công nghiệp.
- Vốn điều lệ: 2.961.000.000 đồng. Trong đó Công ty sở hữu: 20,00%.
- Tình trạng hoạt động: Đang hoạt động.

#### **2. Công ty TNHH Cung ứng Vật tư Nguyên liệu Tây Nguyên**

- Địa chỉ trụ sở chính: 02 Đặng Trần Côn, Phường Trà Bá, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam
- Hoạt động chính của Công ty: Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng (Chi tiết: Mua bán gỗ có nguồn gốc hợp pháp; Mua bán vật liệu xây dựng, vật liệu trang trí nội, ngoại thất); Bán buôn kim loại và quặng kim loại (Chi tiết: Mua bán kim loại); Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét; Cát tạo dáng và hoàn thiện đá; Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt; Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác mỏ và quặng khác; Khai thác quặng sắt.
- Vốn điều lệ: 60.000.000.000 đồng. Trong đó Công ty sở hữu: 33,33%.
- Tình trạng hoạt động: Đang hoạt động.

#### **3. Công ty Cổ phần Đức Long Tây Nguyên**

- Địa chỉ trụ sở chính: 117-119-121 Trần Phú, Phường Diên Hồng, Tp Pleiku, Tỉnh Gia Lai.
- Sản xuất sắt, thép, gang; Trồng rừng và chăm sóc rừng; Trồng cây cao su; Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt; Khai thác quặng sắt; Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét; Chăn nuôi trâu, bò; Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao; Đúc sắt, thép; Cát tạo dáng và hoàn thiện đá; Sản xuất kim loại màu và kim loại quý; Đúc kim loại màu; Chăn nuôi dê, cừu; Chăn nuôi lợn.
- Vốn điều lệ: 15.000.000.000 đồng. Trong đó Công ty sở hữu: 40,00%.
- Tình trạng hoạt động: Đến thời điểm 30/06/2013 chưa đi vào hoạt động kinh doanh.

## **2. Niên độ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Niên độ kế toán bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Báo cáo tài chính và các nghiệp vụ kế toán được lập và ghi sổ bằng Đồng Việt Nam (VND).

## **3. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ kế toán Việt Nam ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 và các quy định sửa đổi, bổ sung có liên quan; Hệ thống Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành.

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

Hình thức kế toán: Nhật ký chung.

### **4. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu**

#### **4.1 Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính**

##### **Các công ty con**

Công ty con là các đơn vị do Công ty kiểm soát. Sự kiểm soát tồn tại khi Công ty có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ các hoạt động của các công ty này. Báo cáo tài chính của các công ty con được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất từ ngày Công ty bắt đầu kiểm soát đến ngày kết thúc kiểm soát.

Lợi ích của cổ đông thiểu số trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của Công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong tổng vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào lợi ích của Công ty mẹ trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

##### **Các công ty liên kết**

Các công ty liên kết là các đơn vị mà Công ty có những ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm phần lãi và lỗ của Công ty trong công ty liên kết theo phương pháp vốn chủ sở hữu từ ngày bắt đầu có ảnh hưởng đáng kể cho đến ngày ảnh hưởng đáng kể kết thúc. Nếu phần lợi ích của Công ty trong khoản lỗ của công ty liên kết lớn hơn hoặc bằng giá trị ghi sổ của khoản đầu tư thì giá trị ghi sổ của khoản đầu tư bị giảm tới không và dừng việc ghi nhận các khoản lỗ, trừ khi Công ty có các nghĩa vụ thực hiện thanh toán thay cho công ty liên kết.

##### **Các cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát**

Các cơ sở kinh doanh chịu đồng kiểm soát là các cơ sở kinh doanh mà Công ty cùng kiểm soát các hoạt động của nó với các bên khác theo thỏa thuận. Khoản vốn góp vào cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được trình bày theo phương pháp vốn chủ sở hữu trong Báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày Công ty có quyền đồng kiểm soát và ngừng sử dụng phương pháp vốn chủ sở hữu kể từ ngày Công ty kết thúc quyền đồng kiểm soát.

##### **Các giao dịch bị loại ra khi hợp nhất**

Các số dư và giao dịch nội bộ và lãi chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ giữa Công ty mẹ và công ty con bị loại bỏ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất.

#### **4.2 Hợp nhất kinh doanh**

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán phát sinh hoạt động mua công ty con.

Lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông thiểu số trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

### **4.3 Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm: Tiền mặt, tiền gửi ngân hàng và tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

### **4.4 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi sang đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế của Ngân hàng mà Công ty giao dịch tại thời điểm phát sinh. Các tài khoản có số dư ngoại tệ được chuyển đổi sang đồng Việt Nam theo tỷ giá trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán. Chênh lệch tỷ giá ngoại tệ phát sinh trong kỳ và do đánh giá lại số dư cuối kỳ được phản ánh vào kết quả kinh doanh trong kỳ.

### **4.5 Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán. Việc trích lập dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7/12/2009 của Bộ Tài chính.

### **4.6 Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện là giá bán ước tính trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành hàng tồn kho và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập khi giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nhỏ hơn giá gốc. Việc trích lập dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7/12/2009 của Bộ Tài chính.

### **4.7 Các khoản đầu tư tài chính**

Các khoản đầu tư tài chính khác được ghi nhận theo giá gốc.

Dự phòng được lập cho các khoản giảm giá đầu tư nếu phát sinh tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Việc trích lập dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7/12/2009 của Bộ Tài chính.

### **4.8 Tài sản cố định hữu hình**

#### **Nguyên giá**

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

Nguyên giá bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí mà Công ty bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản cố định đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

### Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Tỷ lệ khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính.

Loại tài sản	Thời gian khấu hao (năm)
Nhà cửa, vật kiến trúc	7 – 50
Máy móc, thiết bị	8 – 12
Phương tiện vận tải	6 – 10
Thiết bị dụng cụ quản lý	3 - 8

### 4.9 Tài sản cố định vô hình

#### Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được ghi nhận là tài sản cố định vô hình khi Công ty được Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất hoặc thuê đất trả tiền một lần và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất được xác định là toàn bộ các khoản tiền chi ra để có quyền sử dụng đất hợp pháp cộng các chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ,...

Quyền sử dụng đất không có thời hạn thì không thực hiện khấu hao.

#### Các tài sản cố định vô hình khác

Các tài sản cố định vô hình khác được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Khấu hao của tài sản cố định vô hình được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Tỷ lệ khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính.

Loại tài sản	Thời gian khấu hao (năm)
Phần mềm máy tính	3 - 5

### 4.10 Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn phản ánh các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán. Chi phí trả trước dài hạn được phân bổ trong khoảng thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

### 4.11 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

### **4.12 Chi phí vay**

Chi phí đi vay trong giai đoạn đầu tư xây dựng các công trình xây dựng cơ bản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó. Khi công trình hoàn thành thì chi phí đi vay được tính vào chi phí tài chính trong năm.

Tất cả các chi phí đi vay khác được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ khi phát sinh.

### **4.13 Phân phối lợi nhuận thuần**

Lợi nhuận thuần sau thuế sau khi trích lập các quỹ được chia cho các cổ đông theo Nghị quyết của Đại hội Cổ đông.

### **4.14 Ghi nhận doanh thu**

- Doanh thu hợp đồng xây dựng được ghi nhận theo hai trường hợp:
  - ✓ Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được ước tính một cách đáng tin cậy thì doanh thu và chi phí của hợp đồng xây dựng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành.
  - ✓ Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được ước tính một cách đáng tin cậy thì doanh thu và chi phí của hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành trong kỳ được khách hàng xác nhận.
- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có khả năng thu được các lợi ích kinh tế và có thể xác định được một cách chắc chắn, đồng thời thỏa mãn điều kiện sau:
  - ✓ Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi những rủi ro đáng kể và quyền sở hữu về sản phẩm đã được chuyển giao cho người mua và không còn khả năng đáng kể nào làm thay đổi quyết định của hai bên về giá bán hoặc khả năng trả lại hàng.
  - ✓ Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đã hoàn thành dịch vụ. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày kết thúc kỳ kế toán.
- Doanh thu hoạt động tài chính được ghi nhận khi doanh thu được xác định tương đối chắc chắn và có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó.
  - ✓ Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế.
  - ✓ Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi cổ đông được quyền nhận cổ tức hoặc các bên tham gia góp vốn được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

### **4.15 Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích báo cáo tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời.

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

*(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)*

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được tính theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng.

### **4.16 Thuế suất và các lệ phí nộp Ngân sách mà Công ty đang áp dụng**

- Thuế Thu nhập doanh nghiệp: Áp dụng mức thuế suất thuế Thu nhập doanh nghiệp là 25%.
- Các loại thuế khác và lệ phí nộp theo quy định hiện hành.

### **4.17 Công cụ tài chính**

#### **Ghi nhận ban đầu**

##### *Tài sản tài chính*

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm: tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, các khoản phải thu khách hàng, các khoản phải thu khác và tài sản tài chính khác.

##### *Nợ phải trả tài chính*

Tại ngày ghi nhận ban đầu, nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng với các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó. Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác.

#### **Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu**

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

### **4.18 Các bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động.

## **5. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	30/06/2013	31/12/2012
	VND	VND
Tiền mặt tại quỹ	7.086.428.577	2.898.669.710
Tiền gửi ngân hàng	81.580.546.339	3.390.380.042
<b>Cộng</b>	<b>88.666.974.916</b>	<b>6.289.049.752</b>

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

### 6. Đầu tư ngắn hạn

	30/06/2013 VND	31/12/2012 VND
Cho vay ngắn hạn	291.034.539.554	139.331.261.554
- Cho vay DNTN Du lịch Lữ hành & ĐT XD NHHTC	996.000.000	996.000.000
- Công ty TNHH MTV Việt Gia Phát	76.005.000.000	76.005.000.000
- DNTN Đức Kiên	36.449.278.000	38.000.000.000
- Công ty CP ĐT XD Nam Nguyên	108.058.560.000	58.560.000
- Công ty TNHH Khai thác Khoáng sản Đức Sang GL	22.820.000.000	22.820.000.000
- Nguyễn Bích Liên	14.500.000.000	
- Lê Thị Cẩm Tú	15.000.000.000	
- Trần Thị Lan	16.000.000.000	
- Cho vay cá nhân khác	1.205.701.554	1.451.701.554
<b>Cộng</b>	<b>291.034.539.554</b>	<b>139.331.261.554</b>

### 7. Các khoản phải thu khác

	30/06/2013 VND	31/12/2012 VND
Lãi dự thu	18.579.264.567	33.791.060.563
Các khoản phải thu khác	47.749.036.281	64.406.818.604
<b>Cộng</b>	<b>66.328.300.848</b>	<b>98.197.879.167</b>

### 8. Hàng tồn kho

	30/06/2013 VND	31/12/2012 VND
Nguyên liệu, vật liệu	95.485.762.641	97.009.291.778
Công cụ, dụng cụ	281.074.921	341.053.766
Chi phí SXKD dở dang	26.709.989.818	19.492.229.740
Thành phẩm	12.081.040.355	12.013.962.412
Hàng hóa	169.211.374.675	252.005.326.287
<b>Cộng</b>	<b>303.769.242.410</b>	<b>380.861.863.983</b>



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

### 9. Chi phí trả trước ngắn hạn

	30/06/2013 VND	31/12/2012 VND
Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	82.070.116	211.956.606
Chi phí ngắn hạn chờ phân bổ	707.248.894	523.013.629
<b>Cộng</b>	<b>789.319.010</b>	<b>734.970.235</b>

### 10. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước

	30/06/2013 VND	31/12/2012 VND
Các khoản thuế nộp thừa cho Nhà nước	155.758.680	155.758.680
- Tiền thuê đất	155.758.680	155.758.680
<b>Cộng</b>	<b>155.758.680</b>	<b>155.758.680</b>

### 11. Tài sản ngắn hạn khác

	30/06/2013 VND	31/12/2012 VND
Tài sản thiếu chờ xử lý	9.202.813	9.202.813
Tạm ứng	31.012.206.327	25.511.455.658
Cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	84.313.428	-
<b>Cộng</b>	<b>31.105.722.568</b>	<b>25.520.658.471</b>

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

### 12. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, Vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	P.tiện vận tải truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Cộng VND
<b>Nguyên giá</b>					
Số đầu kỳ	152.034.159.012	35.343.117.133	26.259.108.591	1.389.733.801	215.026.118.537
Tăng trong kỳ	503.240.000	-	19.102.273	14.800.000	537.142.273
Giảm trong kỳ	238.399.393	841.239.539	46.602.273	608.185.289	1.734.426.494
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>152.298.999.619</b>	<b>34.501.877.594</b>	<b>26.231.608.591</b>	<b>796.348.512</b>	<b>213.828.834.316</b>
<b>Khấu hao</b>					
Số đầu kỳ	28.415.933.822	3.629.947.433	13.840.517.316	774.611.711	46.661.010.282
Tăng trong kỳ	3.431.872.814	2.034.252.340	1.262.075.382	130.792.373	6.858.992.909
Giảm trong kỳ	127.066.215	519.131.642	23.157.900	382.985.675	1.052.341.432
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>31.720.740.421</b>	<b>5.145.068.131</b>	<b>15.079.434.798</b>	<b>522.418.409</b>	<b>52.467.661.759</b>
<b>Giá trị còn lại</b>					
Số đầu kỳ	123.618.225.190	31.713.169.700	12.418.591.275	615.122.090	168.365.108.255
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>120.578.259.198</b>	<b>29.356.809.463</b>	<b>11.152.173.793</b>	<b>273.930.103</b>	<b>161.361.172.557</b>

- Giá trị còn lại của TSCĐ hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố các khoản vay tại 30/06/2013 là 107.609.882.749 đồng.
- Nguyên giá TSCĐ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30/06/2013 là 6.053.646.980 đồng.

### 13. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất lâu dài VND	Phần mềm máy tính VND	Cộng VND
<b>Nguyên giá</b>			
Số đầu kỳ	43.505.231.270	430.760.792	43.935.992.062
Tăng trong kỳ	-	-	-
Giảm trong kỳ	-	-	-
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>43.505.231.270</b>	<b>430.760.792</b>	<b>43.935.992.062</b>
<b>Khấu hao</b>			
Số đầu kỳ	-	316.453.926	316.453.926
Khấu hao trong kỳ	-	20.235.077	20.235.077
Giảm trong kỳ	-	-	-
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>-</b>	<b>336.689.003</b>	<b>336.689.003</b>
<b>Giá trị còn lại</b>			
Số đầu kỳ	43.505.231.270	114.306.866	43.619.538.136
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>43.505.231.270</b>	<b>94.071.789</b>	<b>43.599.303.059</b>

Giá trị còn lại của TSCĐ vô hình dùng thế chấp, cầm cố các khoản vay tại ngày 30/06/2013 là: 41.760.591270 đồng.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

### 14. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	30/06/2013	31/12/2012
	VND	VND
Dự án trồng cao su tại IaTiem	12.976.187.833	12.411.466.124
Dự án trồng cao su tại IaBlứ (948 ha)	101.267.057.098	90.179.069.039
Chi phí khảo sát mỏ quặng sắt	541.556.242	541.556.242
Dự án bến xe phía Nam (Bến xe Đà Nẵng)	98.044.736.601	98.044.736.601
Dự án thủy điện Đồng Nai 6	10.726.544.379	10.048.020.453
Chi phí khảo sát thủy điện Mỹ Lý	18.421.727	18.421.727
DA BOT quốc lộ 14 A đoạn KM từ 817 đến 887	97.530.866.528	81.252.043.512
Hội sở chính Tập đoàn Đức long Gia Lai	28.482.364.136	28.460.600.906
Công trình khách sạn Mỹ Khê	451.262.866	451.262.866
Mỏ chì kẽm Chư Mố -Azunpa	8.892.028.312	8.425.368.456
Trồng rừng cao su 980 ha Chư Pưh (980 ha)	95.580.959.232	84.931.355.506
Mỏ đá Bazan, Xã IaBlứ, Chư Pưh, Gia Lai	409.671.399	409.671.399
Công trình mỏ đá Bazan Kbang	14.287.295	11.256.371
Mỏ đá bazzan trụ kông Yang - Konchro - Tỉnh Gia Lai	618.211.429	617.643.407
Mỏ đá Gabrô Krông năng, Krông pa- Tỉnh Gia Lai - 9,3 Ha	233.957.650	233.657.650
Mỏ đá Gabrodiorit tại xã IaGrai	694.211.429	693.711.429
Công trình Thủy điện ĐăkPSi	1.568.727	1.568.727
Công trình Thủy điện ĐăkSepay	1.951.997.881	1.951.997.881
Công trình thủy điện Khe Giông	13.749.000	13.749.000
Chi phí thăm dò mỏ đá DakWer	227.272.727	227.272.727
Mỏ đá Bazan, Chư Don, Chư Pưh, Gia Lai	50.480.000	50.480.000
Các Công trình xây dựng khác	1.048.786.037	974.240.022
<b>Cộng</b>	<b>459.776.178.528</b>	<b>419.949.150.045</b>

### 15. Bất động sản đầu tư

Đây là quyền sử dụng đất lâu dài tại 97/2 Nguyễn Hữu Cảnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

### 16. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

	30/06/2013 VND	31/12/2012 VND
<b>Đầu tư vào công ty liên kết</b>	<b>26.438.416.295</b>	<b>26.987.349.519</b>
Công ty CP Tư vấn và Xây dựng Giao thông Gia Lai	6.801.747.315	7.323.304.072
Công ty TNHH Cung ứng vật tư nguyên liệu Tây Nguyên	19.636.668.980	19.664.045.447
<b>Đầu tư dài hạn khác</b>	<b>256.363.005.872</b>	<b>283.001.222.278</b>
- Góp vốn vào C ty CP D vụ Bảo vệ Tây Bình Tây Sơn (i)	5.600.000.000	5.600.000.000
- Góp vốn vào Công ty CP Xây dựng Nam Nguyên	968.000.000	968.000.000
- Góp vốn vào Cty CP Khoáng sản luyện kim Tây Nguyên	42.500.000.000	38.500.000.000
- Góp vốn vào C ty TNHH KT Khoáng sản Đức Sang GL	1.200.000.000	1.200.000.000
- Cho vay dài hạn Công ty TNHH Đức Long Dung Quất	49.943.634.291	47.883.634.291
- Cho vay DNTN Du lịch Lữ hành & ĐT XD NHHTC	6.976.371.581	6.976.371.581
- Cho vay Công ty TNHH MTV Việt Gia Phát	149.175.000.000	149.175.000.000
- Cho các cá nhân vay	-	32.698.216.406
+ Nguyễn Luân	-	9.185.871.304
+ Nguyễn Vương Tâm	-	5.913.014.002
+ Nguyễn Thị Thúy Vy	-	2.691.884.648
+ Nguyễn Thị Khanh	-	3.500.000.000
+ Lê Thị Thúy	-	4.366.441.158
+ Nguyễn Thị Hằng	-	1.481.561.911
+ Bùi Thanh Tuấn	-	5.559.443.383
<b>Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư dài hạn</b>	<b>(987.581.903)</b>	<b>(987.581.903)</b>
- Công ty TNHH Khai thác Khoáng sản Đức Sang GL	(19.581.903)	(19.581.903)
- Công ty CP Đầu tư Xây dựng Nam Nguyên	(968.000.000)	(968.000.000)
<b>Cộng</b>	<b>281.813.840.264</b>	<b>309.000.989.894</b>

- (i) Góp vốn vào Công ty Cổ phần Dịch vụ Bảo vệ Tây Bình Tây Sơn đến thời điểm 30/06/2013 là: 5.600.000.000 đồng (tương đương 56.000 cổ phần), chiếm tỷ lệ 18,6% vốn điều lệ. Cổ phiếu của Công ty này chưa được niêm yết tại các sàn giao dịch và Công ty cũng không có được nguồn dữ liệu tham khảo nào đáng tin cậy về thị giá của các cổ phiếu này tại ngày 30/06/2013. Công ty này có lãi, vốn chủ sở hữu được bảo toàn. Do đó, khoản đầu tư vào Công ty này được ghi nhận theo giá gốc.

### 17. Chi phí trả trước dài hạn

	30/06/2013 VND	31/12/2012 VND
Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	2.671.033.983	2.326.624.531
Chi phí Lãi vay	-	-
Chi phí dài hạn chờ phân bổ	2.831.635.005	4.081.097.496
<b>Cộng</b>	<b>5.502.668.988</b>	<b>6.407.722.027</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**  
(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

**18. Tài sản dài hạn khác**

	30/06/2013	31/12/2012
	VND	VND
Các khoản t/ chấp,k/cược	2.000.000	2.000.000
Đặt cọc tiền thuê nhà	63.000.000	63.000.000
<b>Cộng</b>	<b>65.000.000</b>	<b>65.000.000</b>

**19. Vay và nợ ngắn hạn**

	30/06/2013	31/12/2012
	VND	VND
Vay ngắn hạn	171.356.550.900	424.817.985.776
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam_CN Gia Lai	42.641.205.556	42.741.205.556
- Ngân hàng Đầu tư & Phát triển Việt Nam_CN Gia Lai	115.130.345.344	365.578.191.906
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam_CN Gia Lai	6.635.000.000	6.635.000.000
- Ngân hàng Eximbank_CN Tân Sơn Nhất	5.000.000.000	5.000.000.000
- CN Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Đắk Nông	-	200.000.000
- Ngân hàng Nông nghiệp và PTNT Tỉnh Đắk Nông	850.000.000	850.000.000
- Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín_CN TP HCM	-	3.000.000.000
- Ngân hàng TMCP Sài Gòn Hà Nội_CN Gia Lai	800.000.000	800.000.000
- Vay cá nhân	300.000.000	13.588.314
Nợ dài hạn đến hạn trả	159.558.728.132	107.366.029.000
- Ngân hàng Đầu tư & Phát triển Việt Nam_CN Gia Lai	-	40.000.000
- Ngân hàng Sài Gòn Thương Tín_CN Gia Lai	8.571.432.000	5.714.288.000
- Ngân hàng Sài Gòn Thương Tín_CN HCM	148.793.066.132	99.160.000.000
- Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam - CN Gia Lai	-	32.511.000
- Ngân hàng TM CP XNK VN - CN Tân Sơn Nhất	1.517.600.000	1.577.600.000
- Ngân hàng Đầu tư & Phát triển Việt Nam-CN Đắk Nông	176.630.000	341.630.000
- Ngân hàng Nông nghiệp và PTNT Tỉnh Đắk Nông	500.000.000	500.000.000
Trái phiếu phát hành đến hạn trả	27.989.000.000	27.989.000.000
<b>Cộng</b>	<b>358.904.279.032</b>	<b>560.173.014.776</b>

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

### 20. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	30/06/2013 VND	31/12/2012 VND
Thuế giá trị gia tăng đầu ra	18.227.962.870	9.285.462.067
Thuế thu nhập cá nhân	471.601.555	334.971.623
Thuế thu nhập Doanh nghiệp	21.570.878.740	15.246.356.794
Thuế tài nguyên	527.775.729	818.075.028
Tiền thuê đất, thuế nhà đất	-	2.321.521.500
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	93.386.000	101.280.000
<b>Cộng</b>	<b>40.891.604.894</b>	<b>28.107.667.012</b>

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của Cơ quan thuế, số thuế được trình bày trên các báo cáo tài chính này có thể sẽ thay đổi theo quyết định của Cơ quan thuế.

### 21. Chi phí phải trả

	30/06/2013 VND	31/12/2012 VND
Lãi vay phải trả	6.730.645.986	7.105.651.464
<b>Cộng</b>	<b>6.730.645.986</b>	<b>7.105.651.464</b>

### 22. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	30/06/2013 VND	31/12/2012 VND
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế	1.593.244.500	1.434.527.580
Bảo hiểm thất nghiệp	132.836.588	104.891.666
Kinh phí công đoàn	46.876.236	46.287.596
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	126.200.000	126.200.000
Lãi vay phải trả	90.386.193.220	58.570.458.107
Cổ tức phải trả	771.153.955	771.153.955
Các khoản phải trả, phải nộp khác	24.991.620.049	19.379.074.406
<b>Cộng</b>	<b>118.048.124.548</b>	<b>80.432.593.310</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**  
(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

**23. Vay và nợ dài hạn**

	30/06/2013 VND	31/12/2012 VND
Vay dài hạn	751.277.532.787	493.810.684.574
- Ngân hàng TMCP Công thương VN_CN Gia Lai (i.1)	97.005.000.000	88.932.000.000
- Ngân hàng Đầu tư & Phát triển VN_CN Gia Lai (i.2)	510.624.261.787	208.633.269.574
- NH TMCP Sài Gòn Thương Tín_CN Gia Lai (i.3)	16.471.468.000	19.328.612.000
- NH TMCP Sài Gòn Thương Tín_CN HCM (i.3)	99.200.000.000	148.840.000.000
- Ngân hàng TMCP Việt Á_CN Quảng Ngãi (i.4)	26.974.803.000	27.074.803.000
- Ngân hàng TM CP XNK VN - CN Tân Sơn Nhất (i.5)	830.800.000	830.800.000
- Ngân hàng ĐT & Phát triển Việt Nam-CN Đăknông(i.6)	171.200.000	171.200.000
<b>Cộng</b>	<b>751.277.532.787</b>	<b>493.810.684.574</b>

(i.1) Vay dài hạn Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam- Chi nhánh Gia Lai:

- Hợp đồng tín dụng dài hạn số 220/HĐTĐ ngày 19/07/2010 với thời gian cho vay là 10 năm kể từ ngày giải ngân khoản vay đầu tiên, thời gian ân hạn là 2 năm, hạn mức cho vay là 89.000.000.000 đồng, lãi suất cho vay áp dụng theo lãi suất thả nổi (Lãi suất cho vay thả nổi = Lãi suất cơ sở + biên độ 4% năm). Mục đích sử dụng tiền vay là thanh toán chi phí thực hiện Dự án đầu tư xây dựng Bến xe khách liên tỉnh phía nam Thành phố Đà Nẵng. Khoản vay vốn này được đảm bảo bằng giá trị quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất hình thành trong tương lai.
- Hợp đồng tín dụng số 45/HĐTĐ ngày 26/02/2011 với hạn mức vay là 1.037.000.000.000 VND, lãi suất áp dụng theo lãi suất điều chỉnh, thời hạn vay là 12 năm kể từ ngày nhận tiền vay lần đầu, mục đích sử dụng tiền vay: thanh toán chi phí đầu tư thực hiện Dự án Nâng cấp, mở rộng Quốc lộ 14A đoạn Km từ 817 đến 887 theo hình thức BOT. Toàn bộ khoản nợ (bao gồm nhưng không hạn chế: nợ gốc, lãi, lãi phạt, các khoản phí...) phát sinh từ hợp đồng này được bảo đảm bằng tài sản hình thành trong tương lai là quyền tài sản phát sinh từ hợp đồng BOT số 01/HĐBOT ngày 01/09/2010 và các phụ lục kèm theo được ký kết giữa Ủy ban nhân dân Tỉnh Đắk Nông với Công ty Cổ phần BOT và BT Đức Long Đắk Nông; Toàn bộ quyền khai thác, thu phí các trạm thu phí đoạn Km 817 – Km 887 trên quốc lộ 14 tỉnh Đắk Nông; Các tài sản khác phát sinh từ ưu đãi đầu tư theo hợp đồng BOT.

(i.2) Vay dài hạn Ngân hàng Đầu tư & Phát Triển Việt Nam- Chi nhánh Gia Lai:

- Hợp đồng tín dụng trung hạn, dài hạn số 01/2008/HĐ ngày 16/05/2008 với thời hạn cho vay là 60 tháng kể từ ngày nhận món vay đầu tiên, hạn mức cho vay là 55.000.000.000 đồng (đã nhận nợ trong năm 2008 là 9.070.000.000 đồng), lãi suất cho vay không cố định: bằng lãi suất tiết kiệm thông thường kỳ hạn 12 tháng do Ngân hàng Đầu tư & Phát Triển Gia Lai công bố cộng với phí Ngân hàng 4%/năm, nhưng lãi suất cho vay tối thiểu sau khi điều chỉnh không được thấp hơn lãi suất hiện hành tại thời điểm cho vay và không thấp hơn lãi suất bán vốn FPT cùng kỳ hạn + 2%. Mục đích sử dụng là tiền vay được sử dụng để đầu tư cho dự án cao ốc Đức Long Tower Gia Lai. Khoản vay vốn này được thế chấp bằng chính các tài sản hình thành từ vốn vay.
- Hợp đồng tín dụng dài hạn số 01/2009/HĐ ngày 25/09/2009 với thời hạn cho vay là 108 tháng kể từ ngày nhận món vay đầu tiên, thời gian ân hạn là 18 tháng, số tiền cho vay là 24.800.000.000 đồng, lãi suất cho vay thả nổi không cố định: bằng lãi suất tiết kiệm thông thường kỳ hạn 12 tháng trả lãi sau do Ngân hàng Đầu tư & Phát Triển Gia Lai công bố cộng với phí Ngân hàng 4,2%/năm phù hợp với quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam trong thời kỳ. Mục đích sử dụng là tiền vay được sử dụng để đầu tư cho dự án Đầu tư Bến xe khách liên tỉnh Đức

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

Long – Bảo Lộc. Khoản vay vốn này được thế chấp bằng chính các tài sản hình thành từ vốn vay.

- Hợp đồng tín dụng dài hạn số 02/2009/HĐ ngày 30/12/2009 với thời hạn cho vay là 144 tháng kể từ ngày nhận món vay đầu tiên, thời gian ân hạn là 72 tháng, số tiền cho vay là 43.573.000.000 đồng, lãi suất cho vay thả nổi không cố định: bằng lãi suất tiết kiệm thông thường kỳ hạn 12 tháng trả lãi sau do Ngân hàng Đầu tư & Phát Triển Gia Lai công bố cộng với phí Ngân hàng 4,2%/năm phù hợp với quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam trong thời kỳ. Mục đích sử dụng là tiền vay được sử dụng để đầu tư cho dự án Trồng 744 ha cao su trong tổng diện tích 948,5 ha cao su tại xã Ia B lư, Huyện Chư Sê, Tỉnh Gia Lai. Khoản vay vốn này được thế chấp bằng chính các tài sản hình thành từ vốn vay.
  - Hợp đồng vay số 01/2011/HĐ ngày 14/10/2011. Mục đích vay: Đầu tư dự án trồng 980,4 ha cao su, hạn mức: 130.862.000.000 đồng. Thời hạn vay: 120 tháng kể từ ngày nhận vốn vay đầu tiên, lãi suất vay: theo thỏa thuận. Thời hạn trả gốc: bắt đầu trả từ năm 2019. Tài sản đảm bảo: Tài sản hình thành từ vốn vay.
- (i.3) Vay Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín\_ Chi nhánh Gia Lai theo Hợp đồng tín dụng dư nợ giảm dần số LD 1029900097 ngày 26/10/2010 với thời hạn cho vay là 108 tháng, thời gian ân hạn là 24 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, số tiền cho vay là 40.000.000.000 đồng, lãi suất áp dụng cho lần giải ngân đầu tiên là 1,3%/tháng, các lần giải ngân sau lãi suất do Sacombank xác định tại thời điểm giải ngân. Thời hạn nhận tiền vay theo tiến độ thi công công trình. Mục đích sử dụng là tiền vay được sử dụng để đầu tư cho dự án xây dựng Trung tâm điều hành Tập đoàn Đức Long Gia Lai. Khoản vay vốn này được thế chấp bằng toàn bộ giá trị công trình xây dựng, vật kiến trúc, tài sản gắn liền với đất hình thành từ vốn vay thuộc quyền sở hữu của Công ty hình thành trong tương lai thuộc dự án này.
- (i.3) Vay dài hạn Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín\_ Sở Giao dịch TP.HCM theo Hợp đồng tín dụng dư nợ giảm dần với số LD 1134100059 ngày 05/01/2012 với thời hạn cho vay là 36 tháng kể từ ngày nhận nợ đầu tiên, số tiền cho vay là 248.000.000.000 đồng, lãi suất áp dụng cho 3 tháng đầu tiên là 20%/năm (áp dụng cho lần giải ngân đầu tiên). Tại thời điểm bắt đầu tháng thứ 4, lãi suất của toàn bộ dư nợ vay sẽ do Sacombank điều chỉnh theo định kỳ 3 tháng/lần với mức lãi suất do Sacombank xác định tại thời điểm điều chỉnh phù hợp với Ngân hàng Nhà nước về lãi suất cho vay. Thời hạn nhận tiền vay theo tiến độ thực hiện. Mục đích sử dụng là tiền vay được sử dụng để thanh toán chi phí trồng cao su có tổng diện tích 1.834,5 hecta tại Xã IaBlư, Huyện Chư Puh, Tỉnh Gia Lai. Khoản vay vốn này được thế chấp bằng toàn bộ giá trị lợi tức phát sinh từ mù, hạt, gỗ vườn cây cao su trên, các quyền khai thác đá bazan làm vật liệu xây dựng, quyền khai thác đá Granit tại Xã Nghĩa Hưng.
- (i.4) Vay dài hạn Ngân hàng TMCP Việt Á – Chi nhánh Quảng Ngãi theo Hợp đồng tín dụng trung hạn, dài hạn số 4120/2009/HĐTH ngày 28 tháng 9 năm 2009 để đầu tư Dự án Thủy điện Tà Nung tại Xã Tà Nung, Thành phố Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng. Theo đó, tổng hạn mức vay: 28.000.000.000 đồng được đảm bảo bằng Tài sản hình thành từ vốn vay, thời hạn vay tối đa: 11 năm kể từ ngày ký hợp đồng tín dụng, lãi suất được cố định trong thời hạn 6 tháng kể từ ngày nhận tiền vay lần đầu và sẽ được điều chỉnh từ tháng thứ 7 trở đi. Công ty được hỗ trợ lãi suất 4%/năm trong thời hạn 2 năm (bắt đầu từ ngày 28/9/2009 đến ngày 28/9/2011). Lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn.
- (i.5) Vay dài hạn Ngân hàng Thương mại Cổ phần Xuất nhập khẩu Việt Nam – Chi nhánh Tân Sơn Nhất theo Hợp đồng vay số 2102 - LAV – 2010 - 00557 ngày 01/10/2010 với thời hạn vay: 48 tháng. Mục đích sử dụng tiền vay: Thanh toán tiền mua xe ô tô con Lexus LX570. Lãi suất cho vay: lãi suất EIB công bố từng thời kỳ. Hình thức đảm bảo: tài sản hình thành từ vốn vay.
- (i.6) Vay dài hạn Ngân hàng Đầu tư & Phát Triển Việt Nam- Chi nhánh Đắk Nông:
- Hợp đồng tín dụng số 01/2010/HĐTD ngày 17/11/2010 với hạn mức vay là 476.630.000 VND, lãi suất áp dụng theo lãi suất điều chỉnh, thời hạn vay là 36 tháng kể từ ngày nhận tiền vay lần đầu, mục đích sử dụng tiền vay: thanh toán mua xe ô tô PICK-UP MAXSTRETT CUSTOM FULL SPECEDTION. Tài sản đảm bảo: Tài sản hình thành từ vốn vay.
  - Hợp đồng tín dụng số 01/2011 ngày 17/03/2011 với hạn mức vay là 501.200.000 VND, lãi suất áp



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

dụng theo lãi suất điều chỉnh, thời hạn vay là 36 tháng kể từ ngày nhận tiền vay lần đầu, mục đích sử dụng tiền vay: thanh toán mua xe ô tô PICK-UP MAXSTRETT CUSTOM FULL SPECEDTION. Tài sản đảm bảo: Tài sản hình thành từ vốn vay.

### 24. Doanh thu chưa thực hiện

	30/06/2013 VND	31/12/2012 VND
Doanh thu bán căn hộ	-	7.946.891.699
Doanh thu cho thuê cây xăng	283.333.329	257.727.271
Doanh thu cho thuê mặt bằng	624.240	12.500.000
<b>Cộng</b>	<b>283.957.569</b>	<b>8.217.118.970</b>

### 25. Vốn chủ sở hữu

#### a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn CP VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	LN sau thuế chưa phân phối VND
Số dư tại 01/01/2012	352.107.080.000	3.442.712.000	13.074.838.735	4.192.390.700	46.409.724.228
Tăng trong năm	318.744.000.000	46.496.050.000	1.272.570.589	169.527.575	
Lợi nhuận tăng trong năm					1.435.494.955
Giảm trong năm		-			4.553.752.279
<b>Số dư tại 31/12/2012</b>	<b>670.851.080.000</b>	<b>49.938.762.000</b>	<b>14.347.409.324</b>	<b>4.361.918.275</b>	<b>43.291.466.904</b>
Số dư tại 01/01/2013	670.851.080.000	49.938.762.000	14.347.409.324	4.361.918.275	43.291.466.904
Lợi nhuận tăng trong kỳ					223.922.166
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	2.586.388.772
Giảm khác					
<b>Số dư tại 30/06/2013</b>	<b>670.851.080.000</b>	<b>49.938.762.000</b>	<b>14.347.409.324</b>	<b>4.361.918.275</b>	<b>40.929.000.298</b>

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

### b. Cổ phiếu

	30/06/2013	31/12/2012
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu được phép phát hành	67.085.108	67.085.108
- Cổ phiếu thường	67.085.108	67.085.108
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ	67.085.108	67.085.108
- Cổ phiếu thường	67.085.108	67.085.108
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	67.085.108	67.085.108
- Cổ phiếu thường	67.085.108	67.085.108
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 VND		

### 26. Doanh thu

	6 tháng đầu năm 2013	6 tháng đầu năm 2012
	VND	VND
<b>Tổng doanh thu</b>	<b>313.988.468.097</b>	<b>385.077.893.073</b>
- Doanh thu bán hàng hóa	2.022.779.628	182.653.959
- Doanh thu bán điện	3.118.564.200	2.997.596.900
- Doanh thu bán gỗ, sản phẩm từ gỗ	74.153.466.534	130.733.314.009
- Doanh thu bán phân bón	129.006.190.477	157.713.333.332
- Doanh thu Công trình xây dựng	1.369.562.000	56.899.870.878
- Doanh thu bán căn hộ	85.035.165.736	
- Doanh thu cho thuê tài sản	305.164.373	370.461.479
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	8.400.135.991	7.041.210.527
- Doanh thu bán đá		18.144.911.062
- Doanh thu dịch vụ bến xe và xe buýt	10.577.439.158	10.994.540.927
<b>Các khoản giảm trừ</b>		
<b>Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>313.988.468.097</b>	<b>385.077.893.073</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**  
(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

**27. Giá vốn hàng bán**

	6 tháng đầu năm 2013	6 tháng đầu năm 2012
	VND	VND
Giá vốn bán hàng hóa	1.858.016.607	154.938.510
Giá vốn bán điện	1.545.715.987	1.422.445.115
Giá vốn bán gỗ, sản phẩm từ gỗ	65.924.631.773	120.320.302.698
Giá vốn bán phân bón	123.626.663.387	158.194.285.715
Giá vốn Công trình xây dựng	968.532.000	32.555.861.725
Giá vốn bán căn hộ	57.522.433.842	-
Giá vốn cho thuê tài sản	252.095.900	144.057.850
Giá vốn cung cấp dịch vụ	3.585.965.180	4.658.215.955
Giá vốn bán đá		10.838.442.816
Giá vốn dịch vụ bến xe và xe buýt	8.992.586.663	7.700.748.319
<b>Cộng</b>	<b>264.276.641.339</b>	<b>335.989.298.703</b>

**28. Doanh thu hoạt động tài chính**

	6 tháng đầu năm 2013	6 tháng đầu năm 2012
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	31.615.798.015	27.806.828.421
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	61.889.630	67.164.186
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện		958.053
Lãi đầu tư trái phiếu, kỳ phiếu, tín phiếu		731.000.000
Cổ tức, lợi nhuận được chia	352.665.000	352.665.000
<b>Cộng</b>	<b>32.030.352.645</b>	<b>28.958.615.660</b>

**29. Chi phí hoạt động tài chính**

	6 tháng đầu năm 2013	6 tháng đầu năm 2012
	VND	VND
Chi phí lãi vay, lãi thuê tài chính	61.683.224.158	46.680.521.974
Lãi trái phiếu	909.642.500	7.845.142.500
Lỗ chênh lệch tỷ giá	804.307	20.666.828
<b>Cộng</b>	<b>62.593.670.965</b>	<b>54.546.331.302</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**  
(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

**30. Thu nhập khác**

	6 tháng đầu năm 2013	6 tháng đầu năm 2012
	VND	VND
Thu thanh lý TSCĐ		365.475.093
Nhận hỗ trợ tiền thuê đất	2.509.500.000	
Trang phục bảo vệ	2.145.455	28.890.909
Thu nhập cho thuê tài sản		68.670.145
Tiền điện	30.635.690	
Thu khác	36.495.201	97.090.331
<b>Cộng</b>	<b>2.578.776.346</b>	<b>560.126.478</b>

**31. Chi phí khác**

	6 tháng đầu năm 2013	6 tháng đầu năm 2012
	VND	VND
Giá trị còn lại TSCĐ		52.870.491
Giá vốn trang phục	1.822.547	80.538.118
Nộp phạt thuế, phạt nộp chậm	94.616.731	63.797.791
Chi phí không hợp lý, hợp lệ	240.257.315	25.277.273
Giá trị hàng thanh lý, hao hụt	141.345.000	
Chi phí khác	50.148.262	82.969.861
<b>Cộng</b>	<b>528.189.855</b>	<b>305.453.534</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

**32. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và lợi nhuận sau thuế**

	6 tháng đầu năm 2013	6 tháng đầu năm 2012
	VND	VND
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>8.063.709.389</b>	<b>6.421.117.704</b>
<b>Các khoản điều chỉnh tăng, giảm LN chịu thuế TNDN</b>	<b>4.431.027.659</b>	<b>5.680.664.467</b>
- Các khoản điều chỉnh tăng LN chịu thuế TNDN	6.304.243.252	16.079.559.333
+ Lỗ trong công ty liên kết	548.933.224	511.080.761
+ Các khoản phạt thuế và nộp phạt khác	103.762.843	24.605.607
+ Lỗ tại các công ty con	3.634.894.926	8.046.506.599
+ Chi phí không hợp lý, hợp lệ khác	1.807.679.600	1.121.542.499
+ Chi phí lãi vay (do chưa góp đủ số Vốn điều lệ)	208.972.659	394.511.284
+ Lợi nhuận nội bộ chưa thực hiện		5.981.312.583
- Các khoản điều chỉnh giảm LN chịu thuế TNDN	1.873.215.593	10.398.894.866
+ Lỗ các năm trước chuyển sang		83.624.191
+ Cổ tức nhận được	352.665.000	352.665.000
+ Lãi CLTG chưa thực hiện	10.784.175	
+ Lợi nhuận nội bộ đã thực hiện	72.772.688	5.767.267.996
+ Điều chỉnh dự phòng đã trích lập	1.436.993.730	4.195.337.679
<b>Tổng thu nhập chịu thuế</b>	<b>12.494.737.048</b>	<b>12.101.782.171</b>
<b>Chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b>7.439.805.056</b>	<b>3.025.445.543</b>
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành năm nay	7.439.805.056	3.025.445.543
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại</b>	<b>311.688.222</b>	<b>995.323.274</b>
<b>Lợi nhuận sau thuế TNDN</b>	<b>312.216.111</b>	<b>2.400.348.887</b>
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	88.293.945	(683.749.369)
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ	223.922.166	3.084.098.256

**33. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	6 tháng đầu năm 2013	6 tháng đầu năm 2012
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	223.922.166	3.084.098.256
LN hoặc lỗ phân bổ cho Cổ đông sở hữu Cổ phiếu phổ thông	223.922.166	3.084.098.256
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	67.085.108	53.243.831
<b>Lãi cơ bản trên Cổ phiếu</b>	<b>3,34</b>	<b>57,92</b>

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

### 34. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	6 tháng đầu năm 2013 VND	6 tháng đầu năm 2012 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	10.482.656.732	13.024.891.291
Chi phí nhân công	20.376.535.029	16.698.286.895
Chi phí khấu hao tài sản cố định	6.879.227.986	8.434.015.750
Chi phí dịch vụ mua ngoài	22.059.716.079	177.469.399.956
Chi phí khác bằng tiền	5.166.944.453	8.874.302.344
<b>Cộng</b>	<b>64.965.080.279</b>	<b>224.500.896.236</b>

### 35. Công cụ tài chính

#### a. Quản lý rủi ro vốn

Thông qua công tác quản trị nguồn vốn, Công ty xem xét, quyết định duy trì số dư nguồn vốn và nợ phải trả thích hợp trong từng thời kỳ để vừa đảm bảo hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông.

#### b. Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất, rủi ro về giá hàng hóa), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

**Quản lý rủi ro thị trường:** Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự biến động lớn về lãi suất và giá.

##### *Quản lý rủi ro về tỷ giá*

Do phát sinh các giao dịch mua, bán hàng có gốc ngoại tệ, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Rủi ro này được Công ty quản lý thông qua các biện pháp như: tối ưu hóa thời hạn thanh toán các khoản nợ, lựa chọn thời điểm mua và thanh toán các khoản ngoại tệ phù hợp, dự báo tỷ giá ngoại tệ trong tương lai, sử dụng tối ưu nguồn tiền hiện có để cân bằng giữa rủi ro tỷ giá và rủi ro thanh khoản.

Giá trị ghi sổ của các công cụ tài chính có gốc ngoại tệ như sau:

		30/06/2013	31/12/2012
Tài sản tài chính		84.057,66	117.210,15
Tiền và các khoản tương đương tiền	USD	2.525,14	2.626,85
Phải thu khách hàng và phải thu khác	USD	81.532,52	114.583,30

##### *Quản lý rủi ro về lãi suất*

Rủi ro lãi suất của Công ty phát sinh chủ yếu từ các khoản vay có lãi suất thả nổi đã ký kết. Để giảm thiểu rủi ro này, Công ty đã ước tính ảnh hưởng của chi phí lãi vay đến kết quả kinh doanh từng thời kỳ cũng như phân tích, dự báo để lựa chọn các thời điểm trả nợ thích hợp. Ban Tổng Giám đốc cho rằng rủi ro về biến động lãi suất ngoài dự tính của Công ty ở mức thấp.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

### Quản lý rủi ro về giá

Công ty thực hiện chính sách đa dạng hóa nguồn cung cấp nguyên vật liệu, hàng hóa bằng cách thiết lập mối quan hệ với nhiều nhà cung cấp, nhằm tìm kiếm các đối tác có giá mua phù hợp nhất. Bên cạnh đó, Công ty vẫn thường xuyên duy trì mối quan hệ đối với các nhà cung cấp truyền thống, có uy tín trên thị trường, đảm bảo tính ổn định cho đầu vào của hoạt động sản xuất kinh doanh.

Công ty chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào công cụ vốn. Các khoản đầu vào công cụ vốn được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

### Quản lý rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Cụ thể, rủi ro đối với các khoản phải thu từ hoạt động xây lắp, công trình BOT là tương đối cao do chịu ảnh hưởng chung từ khó khăn hiện nay của hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản; rủi ro đối với các khoản phải thu từ mua bán hàng hóa với các khách hàng thường xuyên là tương đối thấp. Để quản lý rủi ro này Công ty luôn có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá mức độ rủi ro tín dụng nhằm có biện pháp hạn chế rủi ro tín dụng ở mức thấp nhất.

### Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Tổng hợp các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty theo thời hạn thanh toán như sau:

30/06/2013	Đơn vị tính: VND		
	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Các khoản vay và nợ	330.915.279.032	751.277.532.787	1.082.192.811.819
Trái phiếu chuyển đổi	27.989.000.000	-	27.989.000.000
Phải trả người bán	191.514.771.318	-	191.514.771.318
Chi phí phải trả	6.730.645.986	-	6.730.645.986
Phải trả khác	116.275.167.224	327.000.000	116.602.167.224
<b>Cộng</b>	<b>673.424.863.560</b>	<b>751.604.532.787</b>	<b>1.425.029.396.347</b>
31/12/2012	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Các khoản vay và nợ	532.184.014.776	493.810.684.574	1.025.994.699.350
Trái phiếu chuyển đổi	27.989.000.000	-	27.989.000.000
Phải trả người bán	119.707.460.553	-	119.707.460.553
Chi phí phải trả	7.105.651.464	-	7.105.651.464
Phải trả khác	78.846.886.468	513.199.482	79.360.085.950
<b>Cộng</b>	<b>765.833.013.261</b>	<b>494.323.884.056</b>	<b>1.260.156.897.317</b>

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

Ban Tổng Giám đốc cho rằng rủi ro thanh khoản của Công ty ở mức cao nhưng Công ty tin tưởng rằng có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Tổng hợp các tài sản tài chính hiện có tại Công ty được trình bày trên cơ sở tài sản thuần như sau:

30/06/2013	Đơn vị tính: VND		
	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Tiền và các khoản tương đương tiền	88.666.974.916	-	88.666.974.916
Phải thu khách hàng	460.285.327.922	-	460.285.327.922
Đầu tư tài chính	291.034.539.554	255.375.423.969	546.409.963.523
Phải thu khác	66.328.300.848	-	66.328.300.848
Tài sản tài chính khác	84.313.428	65.000.000	149.313.428
<b>Cộng</b>	<b>906.399.456.668</b>	<b>255.440.423.969</b>	<b>1.161.839.880.637</b>
31/12/2012	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Tiền và các khoản tương đương tiền	6.289.049.752	-	6.289.049.752
Phải thu khách hàng	417.922.836.216	-	417.922.836.216
Đầu tư tài chính	139.331.261.554	282.013.640.375	421.344.901.929
Phải thu khác	98.197.879.167	-	98.197.879.167
Tài sản tài chính khác	-	65.000.000	65.000.000
<b>Cộng</b>	<b>661.741.026.689</b>	<b>282.078.640.375</b>	<b>943.819.667.064</b>

### 36. Báo cáo bộ phận

Theo quy định của Chuẩn mực kế toán số 28 và Thông tư hướng dẫn Chuẩn mực này thì Công ty cần lập báo cáo bộ phận. Theo đó, bộ phận là một phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích kinh tế khác với các bộ phận khác. Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá rằng việc ra các quyết định quan trọng của Công ty phụ thuộc chủ yếu vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ mà Công ty đang kinh doanh. Do đó, Công ty trình bày Báo cáo bộ phận chính yếu là bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh.

Báo cáo bộ phận phân biệt theo lĩnh vực kinh doanh:





**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

**Báo cáo bộ phận cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2012**

Đơn vị tính: VND

**Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh**

	Bán hàng hóa, bán điện	Bán gỗ, Sản phẩm từ gỗ	Kinh doanh Phân bón	Công trình xây dựng	Dịch vụ bến xe và xe buýt	Hoạt động khai thác đá	Dịch vụ khác (cho thuê TS, K sạn, bảo vệ....)	Loại trừ	Tổng cộng
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	3.180.250.859	130.733.314.009	157.713.333.332	56.899.870.878	10.994.540.927	18.144.911.062	7.411.672.006		385.077.893.073
Doanh thu giữa các bộ phận	19.242.227	120.526.605.707	-	24.060.663.233	-	-	4.500.669.235	(149.107.180.402)	-
Giá vốn của bộ phận	1.577.383.625	120.320.302.698	158.194.285.715	32.555.861.725	7.700.748.319	10.838.442.816	4.802.273.805		335.989.298.703
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	1.602.867.234	10.413.011.311	(480.952.383)	24.344.009.153	3.293.792.608	7.306.468.246	2.609.398.201	-	49.088.594.370
Tài sản bộ phận tại ngày 30/06/2012	59.655.434.322	535.280.733.003	67.277.980.331	1.020.954.224.611	123.553.834.528	78.325.526.179	162.938.716.003		2.047.986.448.977
Tài sản không phân bổ									104.347.038.019
<b>Tổng tài sản</b>									<b>2.152.333.486.996</b>
Nợ phải trả bộ phận tại ngày 30/06/2012	31.730.381.442	227.113.477.829	93.865.622.030	627.630.461.366	78.325.809.062	59.610.383.256	4.184.557.774		1.122.460.692.759
Nợ phải trả không phân bổ									139.799.127.198
<b>Tổng nợ phải trả</b>									<b>1.262.259.819.957</b>
Khấu hao và chi phí phân bổ	1.113.965.680	4.094.831.783	64.702.819	1.537.814.801	1.361.985.056	1.560.097.176	1.819.281.342	-	11.552.678.657
- <i>Khấu hao</i>	1.080.582.096	2.226.178.577	4.504.548	1.371.404.341	684.242.514	1.486.240.954	1.580.862.720	-	8.434.015.750
- <i>Chi phí phân bổ ngắn hạn và dài hạn</i>	33.383.584	1.868.653.206	60.198.271	166.410.460	677.742.542	73.856.222	238.418.622	-	3.118.662.907
Khấu hao và chi phí không phân bổ									38.006.526

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**  
(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

**37. Thông tin với các bên liên quan**

**a. Thông tin về các bên liên quan**

<u>Tên Công ty</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Công ty TNHH Đức Long Dung Quất	Chung cổ đông lớn có ảnh hưởng đáng kể
Công ty TNHH MTV Việt Gia Phát	Chung cổ đông lớn có ảnh hưởng đáng kể
Công ty TNHH Cung ứng vật tư nguyên liệu Tây Nguyên	Công ty liên kết
Công ty CP Đức Long Tây Nguyên	Công ty liên kết
Công ty CP Tư vấn Xây dựng Giao thông Gia Lai	Công ty liên kết
Công ty CP Khoáng sản luyện kim Tây Nguyên	Công ty nhận đầu tư
Công ty CP Dịch vụ Bảo vệ Tây Bình Tây Sơn	Công ty nhận đầu tư
Công ty CP Đầu tư Xây dựng Nam Nguyên	Công ty nhận đầu tư
Công ty TNHH Khai thác khoáng sản Đức Sang Gia Lai	Công ty nhận đầu tư
Ông Bùi Pháp	Chủ tịch HĐQT
Ông Nguyễn Đình Trạc	Thành viên HĐQT
	Tổng Giám đốc
Ông Đỗ Thanh	Thành viên HĐQT
Ông Phạm Anh Hùng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Trung Kiên	Thành viên HĐQT
Ông Phan Xuân Viên	Thành viên HĐQT
Ông Nguyễn Tiến Dũng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Phạm Minh Việt	Phó Tổng Giám đốc

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

### b. Các giao dịch trọng yếu với các bên liên quan trong năm

Tên công ty	Nội dung giao dịch	6 tháng đầu năm 2013 VND	6 tháng đầu năm 2012 VND
	<b>Bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>		
Công ty CP Đầu tư Xây dựng Nam Nguyên	cung cấp dịch vụ	139.838.066	
Công ty TNHH Khai thác khoáng sản Đức Sang Gia Lai	Bán dầu, cho thuê VP	8.909.092	
	Thi công công trình	1.369.562.000	
Công ty TNHH Cung ứng vật tư nguyên liệu Tây Nguyên	Bán đá, bán gỗ	24.994.996.665	
Công ty TNHH MTV Việt Gia Phát	Bán gỗ		
	<b>Mua hàng, nhận dịch vụ</b>		
Công ty TNHH Cung ứng vật tư nguyên liệu Tây Nguyên	Mua đá	7.498.538.214	
Công ty TNHH MTV Việt Gia Phát	Mua gỗ	34.519.131.224	
Công ty CP Đầu tư Xây dựng Nam Nguyên	Thi công công trình	15.178.496.069	
	<b>Các khoản đầu tư</b>		
Công ty CP Đầu tư Xây dựng Nam Nguyên	Cho vay	108.000.000.000	
	Thu lãi vay	2.189.416.667	
Công ty TNHH Khai thác khoáng sản Đức Sang Gia Lai	Thu lãi vay	1.815.140.833	
Công ty TNHH MTV Việt Gia Phát	Cho vay dài hạn		248.000.000.000
	Thu lãi vay	17.911.192.500	19.264.384.469
Công ty TNHH Đức Long Dung Quốc	Cho vay	2.060.000.000	6.702.381.186
	Thu lãi vay	4.277.604.663	3.475.364.480
	<b>Giao dịch khác</b>		
Công ty CP Dịch vụ Bảo vệ Tây Bình Tây Sơn	Cổ tức nhận được	175.005.000	
Công ty CP Tư vấn Xây dựng Giao thông Gia Lai	Cổ tức nhận được	177.660.000	

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**  
(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

**c. Số dư với các bên liên quan**

Tên công ty	30/06/2013 VND	31/12/2012 VND
<b>Phải thu khách hàng</b>		
Công ty CP Khoáng sản luyện kim Tây Nguyên	23.502.653.187	36.202.653.187
Công ty CP Đầu tư Xây dựng Nam Nguyên	-	254.398.066
Công ty TNHH Khai thác khoáng sản Đức Sang Gia Lai	1.506.518.200	449.999.995
Công ty TNHH Cung ứng vật tư nguyên liệu Tây Nguyên	54.781.167.359	101.534.776.917
Công ty TNHH MTV Việt Gia Phát	16.028.130.201	6.775.112.080
<b>Phải trả người bán</b>		
Công ty CP Khoáng sản luyện kim Tây Nguyên	2.325.396.150	2.325.396.150
Công ty CP Đầu tư Xây dựng Nam Nguyên	-	233.000.000
Công ty TNHH Khai thác khoáng sản Đức Sang Gia Lai	-	20.346.825
<b>Trả trước người bán</b>		
Công ty TNHH Khai thác khoáng sản Đức Sang Gia Lai	3.923.283.895	2.730.881.300
Công ty TNHH MTV Việt Gia Phát		5.124.062.467
Công ty CP Khoáng sản luyện kim Tây Nguyên	479.165.465	
Công ty CP Đầu tư Xây dựng Nam Nguyên	5.117.254.324	
<b>Phải thu khác</b>		
Công ty TNHH Cung ứng vật tư nguyên liệu Tây Nguyên	15.461.323.995	18.553.854.495
Công ty TNHH Khai thác khoáng sản Đức Sang Gia Lai	71.600.000	3.757.130.548
Công ty CP Đầu tư Xây dựng Nam Nguyên	2.275.807.991	82.383.724
Công ty CP Đức Long Tây Nguyên	11.478.500	
Công ty TNHH MTV Việt Gia Phát	21.619.815.339	33.708.622.839
Công ty TNHH Đức Long Dung Quất	1.400.244.431	8.269.949.430
Công ty CP khoáng sản luyện kim Tây Nguyên	1.614.923.600	
<b>Phải trả khác</b>		
Công ty CP Đầu tư Xây dựng Nam Nguyên	5.508.333	5.508.333
Công ty CP Khoáng sản luyện kim Tây Nguyên	-	2.418.714.260
Công ty TNHH Cung ứng vật tư nguyên liệu Tây Nguyên	5.110.113	5.110.113
<b>Tạm ứng</b>		
Ông Nguyễn Đình Trạc	720.883.320	724.617.628
Ông Đỗ Thanh	1.184.418.890	822.278.890
Ông Phan Xuân Viên	18.888.899	10.888.899
Ông Nguyễn Tiến Dũng	1.991.619.505	2.211.543.004
Ông Nguyễn Trung Kiên	183.092.799	
<b>Đầu tư ngắn hạn (cho vay ngắn hạn)</b>		
Công ty CP Đầu tư Xây dựng Nam Nguyên	108.058.560.000	58.560.000
Công ty TNHH Khai thác khoáng sản Đức Sang Gia Lai	22.820.000.000	22.820.000.000
Công ty TNHH MTV Việt Gia Phát	76.005.000.000	76.005.000.000
<b>Đầu tư dài hạn (cho vay dài hạn)</b>		
Công ty TNHH MTV Việt Gia Phát	149.175.000.000	149.175.000.000
Công ty TNHH Đức Long Dung Quất	49.943.634.291	47.883.634.291

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

### 38. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện quan trọng nào khác xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong các Báo cáo tài chính.

### 39. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất là số liệu trong Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012, số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất là số liệu trên báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2012. Các Báo cáo này đã được kiểm toán và soát xét bởi AAC.



**Tổng Giám đốc**  
Nguyễn Đình Trạc

Gia Lai, ngày 20 tháng 08 năm 2013

Kế toán trưởng

Vũ Thị Hải

Người lập biểu

Nguyễn Thị Phương Thủy